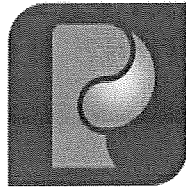


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO
VIETNAM TANKER JOINT STOCK COMPANY**



PETROLIMEX

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------------|---|
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| CB-CNV | Cán bộ - Công nhân viên |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| GDP | Tổng sản phẩm nội địa |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| ISM Code | Bộ luật quản lý an toàn quốc tế |
| NMLD | Nhà máy lọc dầu |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| TGD/Ban TGD | Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc |
| VITACO | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco |
| VRQC | Trung tâm chứng nhận hệ thống chất lượng quản lý và an toàn |

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VỀ VITACO

| | |
|---|----|
| 1. Thông tin khái quát | 02 |
| 2. Thông điệp của lãnh đạo VITACO | 02 |
| 3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi | 02 |
| 4. Quá trình hình thành và phát triển | 03 |
| 5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 03 |
| 6. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý..... | 04 |
| 7. Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị | 04 |
| 8. Giới thiệu thành viên Ban Tổng Giám Đốc | 08 |
| 9. Giới thiệu Thành viên Ban Kiểm soát | 09 |

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

| | |
|--|----|
| 1. Tổng quan ngành xăng dầu và hoạt động VITACO năm 2022 | 10 |
| 2. Định hướng phát triển | 11 |
| 3. Các rủi ro..... | 12 |

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| | |
|--|----|
| 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của VITACO | 12 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc..... | 14 |
| 3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023 | 15 |

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|--|----|
| 1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022..... | 15 |
| 2. Đánh giá tình hình tài chính hợp nhất..... | 18 |
| 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 | 20 |
| 4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty..... | 20 |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

| | |
|--|----|
| 1. Tổng quan lực lượng lao động năm 2022 | 21 |
| 2. Các chính sách đối với người lao động..... | 22 |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

23

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON

| | |
|---|----|
| 1. Công ty TNHH Một Thành Viên Vitaco Sài Gòn | 23 |
| 2. Công ty TNHH Một Thành Viên Vitaco Đà Nẵng | 24 |
| 3. Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu..... | 25 |

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

| | |
|---|----|
| 1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu và thân thiện với môi trường | 26 |
|---|----|

| | |
|--|----|
| 2. Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước..... | 27 |
| 3. Hoạt động bảo vệ môi trường | 27 |
| 4. Liên quan đến người lao động | 27 |
| 5. Liên quan đến cộng đồng địa phương..... | 28 |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|---|----|
| 1. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 28 |
| 2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập | 39 |
| 3. Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát | 40 |
| 4. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích | 41 |

| | |
|---|-----------|
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022..... | 41 |
|---|-----------|

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VITACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Số: 055/VITACO-BCTN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 04 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

---o0o---

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

I. GIỚI THIỆU VỀ VITACO



I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
- Điện thoại: (84.28) 3514 6024 Fax: (84.28) 3514 6025
- Website: <https://vitaco.petrokimex.com.vn> Email: vitaco@viettanker.com.vn
- Mã cổ phiếu: VTO, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13: 0300545501
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022: 798.666.660.000 VNĐ
- Trụ sở chính: Số 236/106/1A Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

II. Thông điệp của lãnh đạo VITACO

Với phương châm “UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – HIỆU QUẢ”

VITACO cam kết :

- Lấy chữ TÍN làm đầu, luôn quan tâm, chú trọng việc cải tiến và kiểm soát chặt chẽ các công việc, nhằm hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng.
- Đảm bảo mọi CB-CNV trong Công ty được làm việc trong môi trường an toàn, cùng có cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật tại những nơi mà VITACO có mặt.
- Đảm bảo mọi CB-CNV ý thức được tầm quan trọng và thực thi các biện pháp an toàn lao động nhằm ngăn ngừa thương tật, tổn hại đến sức khỏe và các rủi ro tác động đến môi trường.

III. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Giữ vững vị thế là một trong những Công ty Vận tải Xăng dầu lớn nhất trên thị trường Việt Nam, đảm bảo việc phát triển ổn định, bền vững và vươn xa trên thị trường quốc tế.

Sứ mệnh

Nâng cao giá trị cho các cổ đông, đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Giá trị cốt lõi

Không ngừng sáng tạo và tự đổi mới để ngày càng hoàn thiện hơn.

Xây dựng giá trị thương hiệu vững mạnh.

Cam kết cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2585/QĐ/BTM ngày 27/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco. Công ty chính thức hoạt động từ ngày 01/02/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300545501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/11/2021. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2022 là 798.666.660.000đ, trong đó Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex nắm giữ 51,92% vốn điều lệ.

- *Giai đoạn từ năm 1975 đến tháng 07/1980*

Tên đơn vị : Công ty Vận tải Nhiên liệu gọi tắt là VITACO (Vietnam Tanker Company);
Quyết định thành lập số 50/TC ngày 08/09/1975 do Tổng Cục trưởng Tổng cục Giao thông Vận tải Nguyễn Tường Lân ký;
Cấp trên trực tiếp : Cục đường biển Miền Nam Việt Nam - Tổng Cục Giao thông Vận tải.

- *Giai đoạn từ tháng 07/1980 đến tháng 05/1992*

Tên đơn vị : Công ty Vận tải Nhiên liệu gọi tắt là VITACO (Vietnam Tanker Company);
Quyết định thành lập số 17/XD-QĐ ngày 18/05/1992 do Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam Trương Đình Tuyển ký về việc ban hành điều lệ tổ chức và quản lý của Công ty Vận tải Nhiên liệu Vitaco;
Cấp trên trực tiếp : Tổng Công ty Xăng dầu - Bộ Thương mại;
Đơn vị trực thuộc : Xí nghiệp Dịch vụ sửa chữa tàu Bình Chánh.

- *Giai đoạn từ tháng 03/1993 đến tháng 10/2005*

Tên đơn vị : Công ty Vận tải Nhiên liệu gọi tắt là VITACO (Vietnam Tanker Company);
Quyết định thành lập số 362/TM/TCCB ngày 31/03/1993 do Thứ trưởng Bộ Thương mại Lê Kim Lăng ký thay Bộ trưởng Bộ Thương mại;
Cấp trên trực tiếp : Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - Bộ Thương mại;
Đơn vị trực thuộc : Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chữa tàu Bình Chánh (Tháng 10/1999 chuyển thành Công ty Cổ phần); Chi nhánh Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco tại Đà Nẵng.

- *Giai đoạn từ tháng 10/2005 đến nay*

Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (Vietnam Tanker Joint Stock Company);
Quyết định thành lập số 2585/QĐ/BTM ngày 27/10/2005 của Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco.

5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu;

- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải đường biển;
- Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển, cho thuê thuyền viên, môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển;
- Cho thuê phương tiện vận tải xăng dầu đường thủy.

Địa bàn kinh doanh

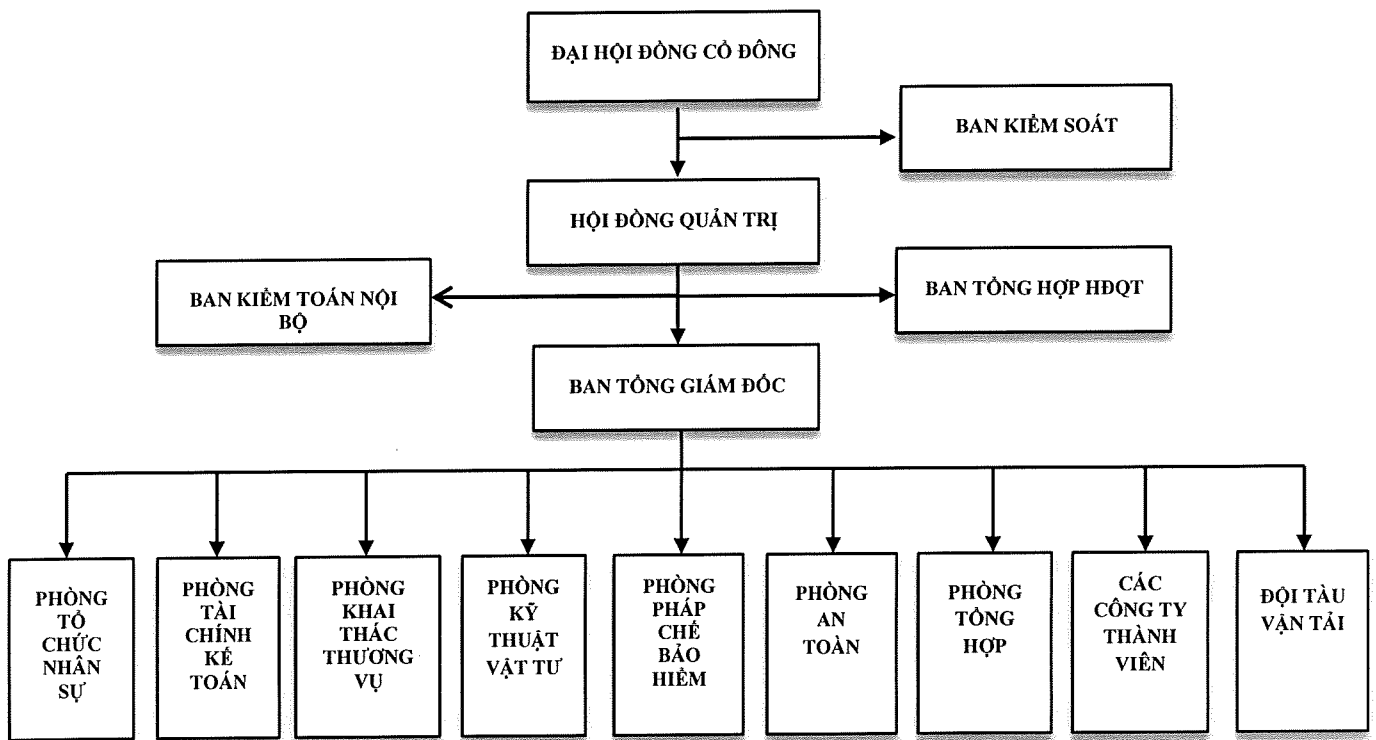
Thị trường vận tải xăng dầu bằng đường biển của Công ty hiện nay bao gồm khu vực ven biển, vùng biển Việt Nam và các nước trong khu vực Châu Á - Đông Nam Á như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia...

6. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco được tổ chức và hoạt động theo mô hình sau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý



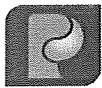
7. Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị

❖ Ông LA VĂN ÚT - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh 1967

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Hàng hải, Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác



| | |
|------------------------|---|
| Từ 12/1992 đến 11/1998 | Sỹ quan tàu biển Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 12/1998 đến 09/2000 | Chuyên viên phòng Tổ chức - Lao động tiền lương Công ty VITACO. |
| Từ 10/2000 đến 12/2001 | Phó trưởng phòng Tổ chức - Lao động tiền lương Công ty VITACO. |
| Từ 01/2002 đến 10/2005 | Trưởng phòng Tổ chức - Lao động tiền lương Công ty VITACO. |
| Từ 11/2005 đến 10/2012 | Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự Công ty VITACO. |
| Từ 11/2012 đến 03/2014 | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự Công ty VITACO. |
| Từ 04/2014 đến 02/2015 | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty VITACO. |
| Từ 03/2015 đến 11/2016 | Thành viên Nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 12/2016 đến nay | Trưởng Nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy tại Công ty VITACO - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Ông NGUYỄN QUANG CƯƠNG - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Năm sinh | 1966 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Hàng hải, Cử nhân Kinh tế. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 10/1991 đến 06/1996 | Thủy thủ Công ty Vận tải nhiên liệu Vitaco. |
| Từ 07/1996 đến 08/1999 | Chuyên viên Phòng Quản lý - Khai thác và Môi giới Hàng hải Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 09/1999 đến 10/2001 | Phó Trưởng phòng Đại lý - Khai thác Hàng hải Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 11/2001 đến 10/2006 | Trưởng phòng Đại lý Môi giới Hàng hải Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 11/2006 đến 12/2007 | Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Đại lý Cung ứng tàu biển Xí nghiệp DV-TM Vitaco (trực thuộc Công ty VITACO). |
| Từ 01/2008 đến 12/2010 | Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco. |
| Từ 01/2011 đến 04/2011 | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 05/2011 đến 03/2014 | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2014 đến 06/2015 | Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 07/2015 đến nay | Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Bà PHẠM LÝ TRANG KHANH - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Năm sinh | 1971 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ 1994 đến 09/2006 | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/2006 đến 12/2007 | Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Xí nghiệp DV-TM Vitaco (trực thuộc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco). |
| Từ 01/2008 đến 06/2008 | Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco (trực thuộc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco). |
| Từ 07/2008 đến 03/2009 | Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2009 đến 07/2009 | Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 08/2009 đến 03/2014 | Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2015 đến 09/2015 | Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/2015 đến nay | Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Ông LÊ MINH NGỌC - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1974 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điều khiển tàu biển |
| Quá trình công tác | |
| Từ 1997 đến 2007 | Thuyền viên Công ty Inlaco Sài Gòn. |
| Từ 2007 đến 2009 | Cán bộ Công ty Vận tải Biển Đông - Hà Nội. |
| Từ 01/2010 đến 04/2013 | Chuyên viên Phòng Hàng hải Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. |
| Từ 04/2013 đến 11/2013 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |
| Từ 11/2013 đến 04/2015 | Phó trưởng phòng Kỹ thuật Pháp chế và An toàn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |
| Từ 05/2015 đến 03/2017 | Trưởng phòng Kỹ thuật Pháp chế và An toàn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |
| Từ 04/2017 đến 01/2018 | Trưởng phòng Kỹ thuật Pháp chế và An toàn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex - Ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco - Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO. |
| Từ 02/2018 đến nay | Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Ủy viên HĐQT tại Công ty VITACO - Trưởng phòng Kinh doanh Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |

❖ Ông BÙI HỒNG DŨNG - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Năm sinh | 1964 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Hàng hải. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 1988 đến 1996 | Công tác tại đội tàu Nhà Bè - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 1996 đến 2000 | Ban chỉ huy đội tàu Nhà Bè. |
| Từ 2000 đến 2013 | Ban chỉ huy, thuyền trưởng đội tàu Petrolimex. |
| Từ 2013 đến 2015 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |
| Từ 04/2015 đến 08/2016 | Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |
| Từ 09/2016 đến 11/2016 | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco - Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |
| Từ 12/2016 đến 03/2019 | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |
| Từ 04/2019 đến nay | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |

❖ Ông NGUYỄN CHÍ NAM - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1970 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế vận tải biển. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 06/1989 đến 06/1999 | Thuyền viên - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 07/1999 đến 03/2004 | Chuyên viên Phòng Đại lý và Môi giới Hàng hải - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2004 đến 09/2006 | Phó Trưởng phòng Đại lý và Môi giới Hàng hải - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/2006 đến 12/2007 | Phó Trưởng phòng Đại lý Xí nghiệp DV-TM Vitaco - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 01/2008 đến 12/2011 | Trưởng phòng Khai thác và Đại lý Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 01/2012 đến 02/2014 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 03/2014 đến 03/2017 | Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2017 đến nay | Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Ông TRƯƠNG VĂN MINH - Thành viên Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|--|
| Năm sinh | 1958 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Khai thác máy – Máy trưởng hạng 1. |



PETROLIMEX

| | |
|------------------------|---|
| Quá trình công tác | |
| Từ 1982 đến 1997 | Kỹ sư máy tàu biển Công ty Vietfracht (Hà Nội); Công ty Sài Gòn Ship |
| Từ 1997 đến 2005 | Kỹ sư máy tàu biển Công ty VITACO. |
| Từ 2005 đến 2006 | Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư Công ty CP Âu Lạc |
| Từ 2006 đến 02/2007 | Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 03/2007 đến 10/2007 | Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 11/2007 đến 01/2018 | Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 02/2018 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

8. Giới thiệu thành viên Ban Tổng Giám đốc

❖ Ông NGUYỄN QUANG CƯƠNG - Tổng Giám đốc

(Chi tiết vui lòng xem giới thiệu Thành viên Hội đồng Quản trị)

❖ Bà PHẠM LÝ TRANG KHANH – Phó Tổng Giám đốc

(Chi tiết vui lòng xem giới thiệu Thành viên Hội đồng Quản trị)

❖ Ông BÙI HỒNG DŨNG – Phó Tổng Giám đốc

(Chi tiết vui lòng xem giới thiệu Thành viên Hội đồng Quản trị)

❖ Ông NGUYỄN QUANG CHIẾN – Phó Tổng Giám đốc

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1971 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Hàng hải, Thạc sỹ Hàng hải. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 06/1994 đến 10/1996 | Thuyền viên Tàu Petrolimex 01 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/1996 đến 12/1997 | Thuyền viên dự trữ Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 12/1997 đến 06/1999 | Thuyền viên Tàu Petrolimex 01 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 06/1999 đến 07/2006 | Chuyên viên Kỹ thuật Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 07/2006 đến 05/2008 | Phó Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 05/2008 đến 09/2016 | Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 09/2016 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Ông ĐỖ QUANG MINH - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|---|
| Năm sinh | 1964 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ An toàn Hàng hải. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2006 đến 2008 | Thuyền viên Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |



| | |
|------------------------|--|
| Từ 2008 đến 08/2010 | Cán bộ phòng An toàn Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 09/2010 đến 08/2011 | Phó phòng An toàn Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 09/2011 đến 06/2018 | Trưởng phòng An toàn Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 07/2018 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Bà VẤN THỊ HỒNG PHƯỢNG - Phó Tổng Giám đốc

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1971 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Kinh tế Vận tải Biển. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 10/1992 đến 08/1995 | Chuyên viên phòng Hành chính Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 09/1995 đến 12/1995 | Chuyên viên phòng Tổ chức - Xí nghiệp Vận tải đường sông Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 01/1996 đến 09/2006 | Chuyên viên phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/2006 đến 12/2007 | Trưởng phòng Kinh doanh - Thương mại Xí nghiệp DV-TM Vitaco Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 01/2008 đến 06/2018 | Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV DV-TM Vitaco Sài Gòn. |
| Từ 07/2018 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Ông NGUYỄN TRỌNG NGHĨA - Kế toán trưởng

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1972 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 01/1994 đến 01/2003 | Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 02/2003 đến 05/2004 | Phó phòng Tài chính - Kế toán Chi nhánh Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco tại Đà Nẵng. |
| Từ 05/2004 đến 02/2008 | Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 03/2008 đến 09/2015 | Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 10/2015 đến 06/2018 | Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 07/2018 đến nay | Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

9. Giới thiệu Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG - Trưởng Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|---|
| Năm sinh | 1963 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 1986 đến 04/2009 | Chuyên viên - Phó Trưởng phòng - Trưởng phòng Tài chính Kế toán |

| | |
|--|---|
| | Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| Từ 04/2009 đến nay | Thành viên nhóm đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty VITACO - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |
| ❖ Ông PHẠM VĂN TRUNG - Thành viên Ban Kiểm soát | |
| Năm sinh | 1985 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện tàu biển. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 2008 đến 2011 | Nhân viên Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng. |
| Từ 2011 đến 2014 | Nhân viên Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico. |
| Từ 2014 đến 2018 | Chuyên viên phòng Kỹ thuật - Pháp chế - An toàn tại Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |
| Từ 2018 đến 12/2020 | Chuyên viên Tiểu ban Đầu tư – Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. |
| Từ 01/2021 đến nay | Phó Tiểu ban Đầu tư - Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

❖ Bà PHẠM THUYẾT HÀ - Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|--|
| Năm sinh | 1988 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Đại học Kinh tế. |
| Quá trình công tác | |
| Từ 09/2011 đến 10/2016 | Phó phòng Kiểm toán Công ty TNHH KPMG. |
| Từ 11/2016 đến nay | Kế toán trưởng Công ty TNHH Aeon Việt Nam - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco. |

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Tổng quan ngành xăng dầu và hoạt động VITACO năm 2022

Năm 2022 – Tiếp tục một năm khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như đối với Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco nói riêng.

Đại dịch Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2021, làn sóng dịch kéo dài đến tận những tháng đầu năm 2022 với tâm dịch dịch chuyển ra phía Bắc, lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Đến giữa và cuối năm 2022 tình hình dịch bệnh về cơ bản đã được kiểm soát, cuộc sống thời điểm này đã gần như trở lại trạng thái bình thường cũ, các hoạt động sản xuất kinh doanh có sự chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, tuy nhiên vẫn còn để lại nhiều hệ lụy.

Tại Việt Nam giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh tăng giảm không ổn định. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty VITACO nói riêng cũng phải từng bước khắc phục những hậu quả để lại từ đại dịch Covid-19, làm giảm khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp.

Đồng thời, biến động khó lường của giá dầu làm tác động đến giá nhiên liệu đầu vào đối với tàu chuyển tuyến, ảnh hưởng đến chi phí hoạt động trong kỳ. Tuy nhiên, với lợi thế là đơn vị thành viên của Petrolimex, nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam/Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị thành viên trong ngành, VITACO đã vượt qua được một năm đầy khó khăn, thử thách và đạt được kết quả SXKD đáng khích lệ.

2. Định hướng phát triển



Mục tiêu chính của Công ty:

- Xây dựng và phát triển Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco thành Công ty Vận tải Xăng dầu lớn mạnh, có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Đạt được vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vận chuyển xăng dầu thành phẩm, kinh doanh có hiệu quả và gia tăng lợi ích cho các cổ đông.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh, duy trì và đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận ổn định, đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh và cơ chế quản lý, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty tận dụng tối đa nguồn hàng của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nâng hiệu quả vận chuyển thuê ngoài, tăng sản lượng vận chuyển nội địa. Xây dựng phương án và tìm kiếm mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân và đối tác chiến lược về thị trường tàu vận tải trong nước và quốc tế.
- Định hướng chiến lược phát triển Công ty với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải xăng dầu đường biển, xây dựng và phát triển Công ty ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp, chú trọng hoàn

thiện hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ.

Các mục tiêu đối với môi trường xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Đối với môi trường: Luôn tuân thủ quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ phù hợp với pháp luật Nhà nước Việt Nam và Công ước quốc tế.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Thực hiện tốt các chính sách cho người lao động, tích cực tham gia công tác xã hội và góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

3. Các rủi ro

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty VITACO.

Rủi ro về vận tải:

- Vận tải đường biển chịu tác động của điều kiện thiên nhiên như: mưa, bão, lũ lụt. Các yếu tố thiên nhiên diễn ra không tuân theo một quy luật nhất định nào, đặc biệt trong điều kiện thời tiết khí hậu hiện nay có nhiều biến đổi thất thường. Trong quá trình vận chuyển, đôi khi thường gặp rủi ro về tai nạn hàng hải, các tàu hoạt động trên các vùng biển rộng lớn nên khả năng cứu hộ càng khó khăn và phát sinh nhiều chi phí.
- Để giảm thiểu nguy cơ hàng hải và kịp thời khắc phục những rủi ro, tổn thất nếu xảy ra, Công ty thực hiện hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các đội tàu, thực hiện các chính sách quản lý an toàn theo bộ luật ISM Code đồng thời mua bảo hiểm hàng hải để đảm bảo an toàn cho hàng hoá, con người và tài sản trong suốt hành trình.

Rủi ro về giá cước vận chuyển, giá cho thuê tàu và mua nhiên liệu:

- Thị trường thuê tàu biển luôn biến động nhanh chóng và khó lường từ việc thay đổi giá cước vận tải, giá cho thuê tàu và giá mua nhiên liệu.
- Đối với loại rủi ro này, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa bằng cách ký hợp đồng vận chuyển dài hạn với giá cước ổn định cùng với các điều khoản tự động điều chỉnh giá cước tương ứng khi có sự biến động giá nhiên liệu.

Rủi ro về tỷ giá:

- Biến động về tỷ giá giữa các giao dịch có gốc ngoại tệ sẽ làm tác động đến chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay bằng ngoại tệ làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã chủ động trong việc mua ngoại tệ vào thời điểm hợp lý để phục vụ công tác trả nợ vay.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của VITACO

Tình hình chung

Năm 2022, tình hình dịch Covid -19 về cơ bản đã được kiểm soát và nền kinh tế bắt đầu có những



bước phục hồi, có sự chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực. Cuộc xung đột quân sự giữa Liên Bang Nga và Ukraine vẫn diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều biến động do căng thẳng chính trị, trừng phạt kinh tế các nước phương Tây. Thị trường tiêu thụ và vận tải xăng dầu chịu ảnh hưởng rất lớn từ tình hình chung của thế giới, giá dầu liên tục tăng kỷ lục và biến động mạnh nhất từ trước đến nay. Tại Việt Nam giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh tăng giảm không ổn định. Nhận thức được những khó khăn và thử thách đó, ngay từ đầu năm, HĐQT của Công ty VITACO đã chủ động phối hợp với Ban TGD đưa ra những giải pháp thiết thực để hoàn thành một cách tối ưu nhất các mục tiêu của năm 2022.

Khó khăn – thuận lợi

Đại dịch Covid-19 cơ bản đã trải qua thời kỳ đen tối và nền kinh tế bắt đầu có những bước phục hồi, tuy nhiên vẫn để lại nhiều hệ lụy. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty VITACO nói riêng cũng phải từng bước khắc phục những hậu quả để lại từ đại dịch, làm giảm khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp.

Giá dầu tăng rất cao cùng với sự gia tăng của các yếu tố đầu vào làm gia tăng chi phí vận hành đội tàu cũng như chi phí hoạt động của Công ty cũng tăng từ 15 – 30%.

Tuổi tàu ngày càng lớn nên các tàu phải thường xuyên bảo dưỡng sửa chữa để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt khiến nhiều chi phí phát sinh. Nhiều quy định mới về hàng hải được ban hành đòi hỏi chủ tàu phải nâng cao tiêu chuẩn về phương tiện, thuyền bộ để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe hơn.

Trong thời gian qua, tỷ giá USD/VND tăng cao làm tăng phần lỗ chênh lệch tỷ giá đối với những khoản vay mua tàu bằng ngoại tệ.

Đối với kinh doanh hoạt động đại lý thì sự cạnh tranh giữa các đơn vị làm đại lý tàu biển, đặc biệt là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang về giá tàu lai cùng với sự giảm sản lượng nguồn cung ứng xăng dầu từ nhà máy lọc dầu Nghi Sơn làm ảnh hưởng đến doanh thu dịch vụ đại lý của Công ty.

Bên cạnh những khó khăn nêu trên, Công ty cũng có một số thuận lợi như sau:

- Kinh tế Việt Nam năm 2022 được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều chính sách kinh tế được đưa ra để hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch. Cũng như VITACO với lợi thế là đơn vị thành viên của Petrolimex, cùng với sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ của các đơn vị thành viên trong ngành, nên đội tàu Công ty vẫn hoạt động hiệu quả. Nguồn hàng từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng vận chuyển.

- Đội tàu của Công ty phần lớn được cho thuê định hạn nên giá cước tương đối ổn định so với tình hình biến động cước của thị trường. Đội tàu ven biển vận chuyển các tuyến nội địa ngắn ngày với năng suất khai thác tương đối cao do tận dụng nguồn hàng ổn định từ Tập đoàn.

- Do tác động của giá dầu, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu có thời điểm tăng đột biến, nguồn cung vận tải trong khu vực không đáp ứng đủ nên giá cước vận tải bên ngoài thị trường đoạn cuối năm 2022 có xu hướng tăng.

- Được sự đồng thuận và nhất trí của Hội đồng quản trị trong kế hoạch thanh lý, đầu tư và tái cơ cấu đội tàu, Công ty VITACO vẫn đảm bảo năng lực vận tải, nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác tàu và tăng sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban TGD đưa ra các biện pháp nhằm giải quyết những khó khăn và đem lại hiệu quả kinh tế khả quan cho Công ty.

Công ty VITACO đã hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 được ĐHĐCĐ đưa ra với Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất đạt 1.203 tỷ đồng, tương đương 103,2% so với kế hoạch và Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 95 tỷ đồng, tương đương 135% so với kế hoạch.

Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2022 tối thiểu là 7% vẫn đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2022, khi nền kinh tế bắt đầu có những bước phục hồi, tuy nhiên vẫn để lại nhiều hệ lụy và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng tập thể lãnh đạo và CB-CNV của VITACO đã hết sức nỗ lực vượt qua các khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, lực lượng cán bộ công nhân viên lao động được huấn luyện đầy đủ kiến thức, kỹ năng và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Đối với các hoạt động liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội, Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban TGD đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời theo tình hình thực tế. Triển khai các nội dung theo Nghị quyết HĐQT nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tham gia và đưa ra ý kiến trong tất cả các cuộc họp quan trọng của Ban TGD về các đề xuất, dự án cũng như triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, chủ động theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc thông qua các văn bản, báo cáo nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc, Giám đốc các Công ty thành viên tăng cường công tác chỉ đạo và thực hiện thường xuyên việc báo cáo cho HĐQT về kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức chỉ đạo và giao cho đại diện quản lý vốn của Công ty tại các Công ty thành viên, xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023

HĐQT Công ty VITACO chỉ đạo Ban TGD xây dựng, đưa ra các kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2023 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, trong đó chú trọng triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cụ thể như sau :

- Chỉ đạo triển khai việc thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Phân tích, đánh giá năng lực vận tải và hoạt động đội tàu Công ty, giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Cùng cố, nâng cao năng lực của bộ máy điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống quy chế quản lý phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Pháp luật hiện hành.
- Nâng cao chất lượng công tác an toàn, kiểm tra an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; Tập trung bảo quản, bảo dưỡng tàu hợp lý để tăng tối đa ngày tàu tốt, bố trí thời gian khai thác hợp lý; Linh hoạt trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tàu; Kiểm soát và tiết giảm chi phí để nâng cao sức cạnh tranh của dịch vụ.
- Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch tại đơn vị và đội tàu của Công ty nhằm duy trì các hoạt động SXKD diễn ra liên tục nhưng vẫn đảm bảo an toàn sức khoẻ cho CB-CNV.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của Công ty.
- Đầu tư 01 tàu viển dương thay thế cho tàu Petrolimex 08 đã thanh lý nhằm đảm bảo tổng trọng tải, tăng sức cạnh tranh, phù hợp với cơ cấu và đường vận động hàng hóa của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cũng như thị trường trong khu vực.
- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện sỹ quan, thuyền viên làm việc trên tàu biển về năng lực chuyên môn, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế liên quan về an toàn, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường để giảm thiểu các sự cố và hạn chế phát sinh chi phí.
- Tích cực tham gia các công tác an sinh xã hội, đảm bảo ổn định việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong Công ty.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Trước sự biến động khó lường của giá xăng dầu, Công ty VITACO đã thực hiện các giải pháp trong công tác quản lý tài chính, dự phòng rủi ro tài chính, quản lý cân đối dòng tiền, kiểm soát chặt chẽ các định mức kỹ thuật vật tư, tăng cường công tác an toàn hàng hải, kiểm tra và bảo dưỡng tàu... giúp tiết giảm tối đa chi phí vận hành cũng như đem lại hiệu quả kinh tế khả quan cho Công ty, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 hợp nhất, với các kết quả chính đạt được như sau:

- Doanh thu thuần đạt 1.180 tỷ đồng, tương đương 102,9% so với kế hoạch và 124,7% so với cùng kỳ năm trước.

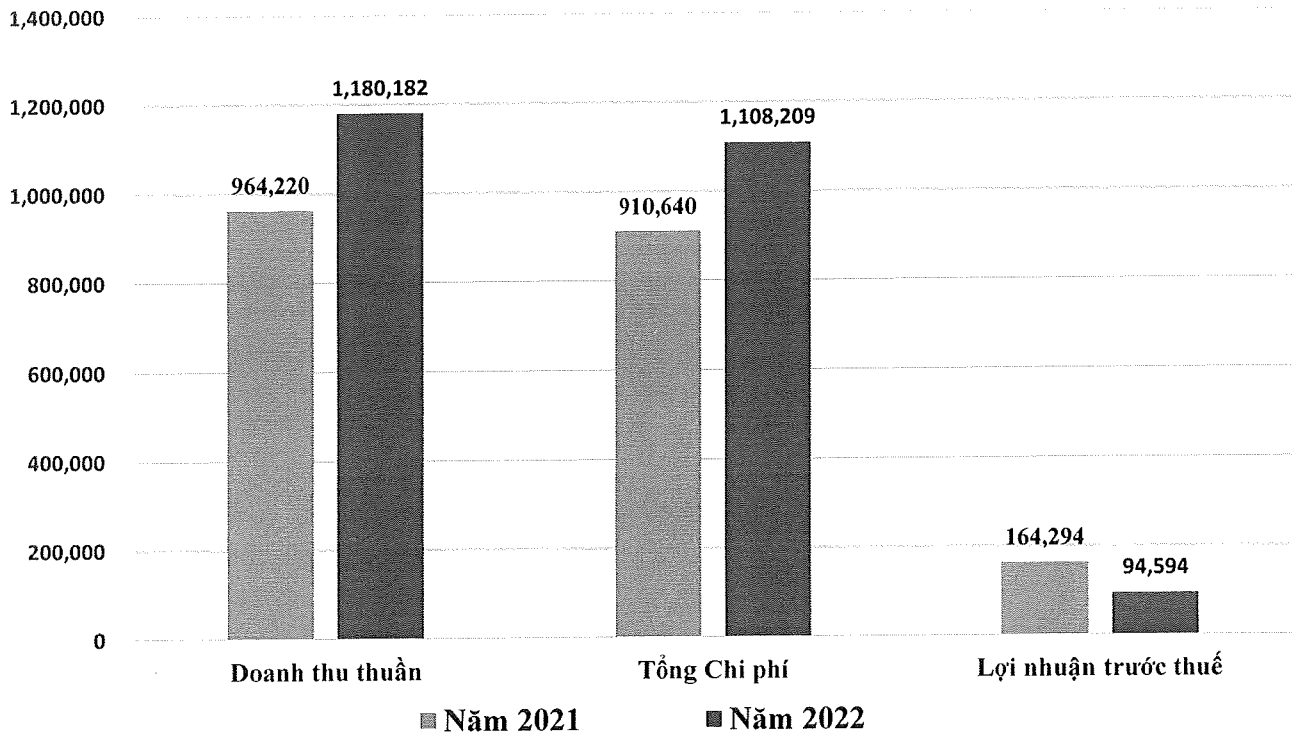


PETROLIMEX

- Tổng Chi phí đạt 1.108 tỷ đồng, tương đương 101,1% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 95 tỷ đồng, tương đương 135% so với kế hoạch và 57,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 73.3 tỷ đồng, tương đương 138% so với kế hoạch và 56,7% so với cùng kỳ năm trước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | TH2022/ TH2021 | TH2022/ KH2022 |
|-----|--------------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1,147,257 | 946,220 | 1,180,182 | 124.73% | 102.87% |
| 2 | Tổng chi phí | 1,095,857 | 910,640 | 1,108,209 | 121.70% | 101.13% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 67,966 | 52,194 | 92,477 | 177.18% | 136.06% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 2,107 | 112,099 | 2,117 | 1.89% | 100.47% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 70,073 | 164,294 | 94,594 | 57.58% | 134.99% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 52,981 | 129,306 | 73,348 | 56.72% | 138.44% |
| 7 | Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 8% | 8% | 7% | 87.50% | 87.50% |

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 – 2022**

Năm 2022, đội tàu Công ty vẫn tiếp tục khai thác với 02 hình thức là cho thuê định hạn và chuyển tuyến. Các tàu định hạn đã thực hiện đảm bảo an toàn được 115 chuyến hàng. Trong năm, có 3 đợt điều chỉnh tăng cước định hạn, cụ thể:

- 1/5/2022: tăng cước từ 38,400 USD/ngày lên 43,200 USD/ngày, mức tăng 4,800 USD/ngày (tương đương 12.5%).
- 1/7/2022: tăng cước từ 43,200 USD/ngày lên 52,200 USD/ngày, mức tăng 9,000 USD/ngày (tương đương 20.8%).
- 1/9/2022: tăng cước từ 52,200 USD/ngày lên 59,000 USD/ngày, mức tăng 6,800 USD/ngày (tương đương 13%)
- Doanh thu từ khối định hạn cả năm đạt 409 tỷ đồng, tương đương 106 % so với kế hoạch.
- Hoạt động cho thuê chuyển tuyến với nguồn hàng chính từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Trong năm thực hiện vận chuyển được 20 chuyến hàng FO với tổng sản lượng xấp xỉ 320.000 tấn. Doanh thu vận tải viễn dương cả năm ước đạt 222 tỷ đồng, tương đương 104% so với kế hoạch.
- Quý 2 năm 2022, Công ty đưa 2 tàu Petrolimex 12 và Petrolimex 14 lên sửa chữa theo quy định đăng kiểm. Việc đưa tàu lên ụ trong thời gian từ 20 đến 25 ngày/mỗi tàu.
- Đội tàu ven biển trọng tải nhỏ, thực hiện vận chuyển các tuyến nội địa ngắn ngày, tập trung khai thác nguồn hàng từ Tập đoàn, doanh thu tăng 5.5% so với kế hoạch, tương đương 23 tỷ đồng.
- Trong năm 2022, Thị trường tiêu thụ và vận tải xăng dầu chịu ảnh hưởng rất lớn từ tình hình chung của thế giới, giá dầu liên tục tăng kỷ lục và biến động mạnh từ trước tới nay. Giá dầu biến động mạnh cùng với sự gia tăng của các yếu tố đầu vào làm gia tăng chi phí vận hành đội tàu cũng như chi phí hoạt động của Công ty cũng tăng mạnh từ 15 – 30%. Tuy nhiên, Công ty VITACO đã tập trung khai thác

hiệu quả đội tàu viễn dương, liên tục rà soát, tiết giảm chi phí kinh doanh, tiến hành tái cấu trúc đội tàu để đảm bảo hiệu quả khai thác, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của lĩnh vực vận tải thủy.

- Toàn bộ đội tàu của Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và vượt qua tất cả các đợt kiểm tra an toàn của các hãng dầu lớn như Shell, Chevron... cũng như kiểm tra đăng kiểm, đánh giá của VRQC.
- Công ty vẫn đang tiếp tục chủ động tìm kiếm thị trường mới và có giải pháp đột phá để phát triển thêm các dịch vụ mới trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá tình hình tài chính hợp nhất

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng / giảm |
|---------------------|------------------|------------------|----------------|
| Tài sản ngắn hạn | 750.822 | 753.730 | 0,39% |
| Tài sản dài hạn | 1.005.234 | 938.736 | (7,08%) |
| Tổng Tài sản | 1.756.056 | 1.692.466 | (3,76%) |

Tổng giá trị tài sản đạt 1.692 tỷ đồng, giảm 3,76% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 đạt 754 tỷ đồng, tăng 0,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất là 70,45%, giảm 6,65% so với cùng kỳ năm trước.
- Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 đạt 939 tỷ đồng, giảm 7,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất là 97,11%, giảm 7,08% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng / giảm |
|-----------------------|------------------|------------------|----------------|
| Nợ phải trả | 608.389 | 541.268 | (12,40%) |
| + Nợ ngắn hạn | 361.752 | 253.803 | (42,53%) |
| + Nợ dài hạn | 246.637 | 287.465 | 14,20% |
| Vốn chủ sở hữu | 1.147.667 | 1.151.198 | 0,31% |
| Tổng Nguồn vốn | 1.756.056 | 1.692.466 | (3,76)% |

Tổng giá trị nguồn vốn đạt 1.692 tỷ đồng, giảm 3,76% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 đạt 541 tỷ đồng, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 254 tỷ đồng, giảm 42,53% và nợ dài hạn đạt 287 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 đạt 1.151 tỷ đồng, tăng 0,31% so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng / giảm |
|--|------|----------|----------|---------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn TSNH/Nợ ngắn hạn | Lần | 2,08 | 2,97 | 30% |
| + Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,84 | 2,57 | 28,41% |
| 3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 34,65% | 31,98% | (8,35%) |
| + Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | % | 53,01% | 47,02% | (12,74%) |
| 4. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho GVHB/HTK bình quân | Vòng | 8,70 | 10,54 | 17,46% |
| + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | % | 53,43% | 69,73% | 23,38% |
| 5. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| + Hệ số LNST/Doanh thu thuần | % | 13,67% | 6,21% | (120,13)% |
| + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu | % | 11,27% | 6,37% | (76,92)% |
| + Hệ số LNST/Tổng tài sản | % | 7,36% | 4,33% | (69,98)% |
| + Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 5,52% | 7,84% | 29,59% |

Các chỉ tiêu tài chính của VITACO trong năm 2022 vẫn duy trì ở mức ổn định, kinh doanh có lợi nhuận và hiệu quả, cụ thể như sau :

- Hệ số thanh toán đều duy trì ở mức khá cao (>1), ổn định và an toàn, cho thấy doanh nghiệp có khả năng cao trong việc sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản giảm 8,35% và hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm 12,74% so với năm 2021, chứng tỏ tình hình tài chính của Công ty ít rủi ro, tính độc lập về tài chính cao do đa phần nguồn vốn sử dụng là nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty thanh toán các khoản nợ đúng hạn cho các Ngân hàng
- Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng 17,46% và hệ số vòng quay tài sản tăng 23,38% so với cùng kỳ năm trước. Đối với ngành vận tải biển, hàng tồn kho hầu như là nhiên liệu trên tàu. Tàu hoạt động trong năm khá tốt. Nhu cầu xăng dầu tăng cao và đội tàu Công ty hoạt động gần như tối đa công suất.

- Các hệ số về khả năng sinh lời trong năm 2022 tương đối ổn định và không có nhiều biến động so với năm 2021, chứng tỏ doanh nghiệp vẫn đang hoạt động có hiệu quả và có khả năng sinh lời.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Năm 2023 dự báo, tình hình kinh tế đang từng bước phục hồi tuy nhiên vẫn còn khá chậm sau đại dịch, bên cạnh đó cũng đan xen những khó khăn, thách thức từ tình hình kinh tế chính trị trên thế giới đối với ngành vận tải xăng dầu nói chung. Lượng hàng của Tập đoàn năm 2023 dự kiến tiếp tục giảm do có sự cạnh tranh lớn từ các đầu mối xăng dầu trong nước. Do đó, Công ty Vitaco đề ra kế hoạch mục tiêu thực hiện cho năm 2023 như sau:

- Tiếp tục hợp đồng cho thuê định hạn 04 tàu viển dương với Tổng Công ty vận tải thủy Petrolimex để phục vụ nhu cầu hàng hóa của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Trên cơ sở giá cước định hạn trung bình giảm so với năm trước và kế hoạch sửa chữa đội tàu định kỳ, Vitaco xây dựng doanh thu khối tàu định hạn đạt 388.51 tỷ, tương đương 94.23% so với thực hiện năm 2022.
- Doanh thu từ hoạt động cho thuê chuyên tuyến tàu viển dương xây dựng mục tiêu 214.65 tỷ, tương đương 96.76% so với thực hiện 2022. Tập trung khai thác tối đa nguồn hàng FO của Tập đoàn và kết hợp hàng ngoài thị trường với sản lượng dự kiến 350.000 tấn năm 2023.
- Triển khai đánh giá tình hình thị trường, tìm kiếm mở rộng quan hệ khách hàng, người môi giới để tham gia tìm kiếm hàng thị trường trong giai đoạn sụt giảm nguồn hàng từ Tập đoàn.
- Tăng cường mở rộng quan hệ với khách hàng, mở rộng thị trường để thực hiện dịch vụ đại lý, dịch vụ hàng hải cho các đơn vị ngoài ngành.
- Thị trường vận tải xăng dầu tiếp tục chịu áp lực của tình trạng dư thừa nguồn cung, giá cước cạnh tranh do chênh lệch cán cân cung cầu.
- Đồng thời, tuổi tàu ngày càng lớn và chi phí phát sinh nhiều, nhu cầu sửa chữa bảo dưỡng gia tăng. Nhiều quy định mới về hàng hải được ban hành, đòi hỏi chủ tàu phải nâng cao tiêu chuẩn về phương tiện, thuyền bộ để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe hơn.
- Đối mặt với các khó khăn thách thức nêu trên, yêu cầu Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV cần nỗ lực phấn đấu đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra. Công ty đã đề ra kế hoạch mục tiêu thực hiện cho năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2023 |
|-----|----------------------------|---------------|
| 1 | Tổng Doanh thu và Thu nhập | 1.172.640 |
| 2 | Tổng chi phí | 1.082.349 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 90.292 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 69.703 |
| 5 | Cổ tức dự kiến (đồng/cp) | 8% |

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện tốt những quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường. Hoạt động môi trường trong những năm qua luôn được chú trọng, duy trì và cải tiến.

Tiếp tục đầu tư và nâng cao trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường, không để xảy ra sự cố rò rỉ, tràn dầu đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động và khách hàng.

Hiện nay, các nước trên thế giới đang đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và sử dụng những nguồn năng lượng mới, thân thiện với môi trường. Nắm bắt được xu thế trên, VITACO vẫn đang không ngừng học hỏi từ các Tập đoàn có kinh nghiệm trong việc cung ứng các nguồn năng lượng sạch và áp dụng những sản phẩm mới và tân tiến hơn, phù hợp với sự phát triển chung của thế giới, góp phần giảm thiểu ô nhiễm không khí, xây dựng một nền kinh tế xanh trong tương lai.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty xây dựng đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn cao, được đào tạo các kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc, khuyến khích người lao động thi đua học tập, bồi dưỡng nâng cao tay nghề. Đồng thời, xây dựng môi trường lao động thân thiện, an toàn, thường xuyên theo dõi điều kiện làm việc của người lao động bằng cách thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động và khám sức khỏe định kỳ cho công nhân hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, phát huy truyền thống đoàn kết “tương thân, tương ái”, VITACO đã trao các quỹ học bổng cho các trường đại học, quỹ vì người nghèo và hỗ trợ một số em học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có hoàn cảnh khó khăn do đại dịch Covid -19, cụ thể:

- Quỹ học bổng trường Đại học Hàng hải Việt nam số tiền: 50.000.000 đồng.
- Quỹ học bổng trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh: 50.000.000 đồng.
- Quỹ vì người nghèo phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh : 70.000.000 đồng.
- Hỗ trợ 04 em học sinh trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19 là 2.000.000 đồng/ tháng/ học sinh.

Bên cạnh đó để khích lệ tinh thần học tập cho con cán bộ công nhân viên lao động, Công ty đã khen thưởng thành tích học tập cho các con số tiền: 96.000.000đồng

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Tổng quan lực lượng lao động năm 2022

Số lượng người lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2022: 559 người, trong đó lao động nữ là 52 người. Số lao động có cơ cấu được phân theo trình độ học vấn, theo cấp bậc quản lý, cụ thể như sau:



| STT | CƠ CẤU LAO ĐỘNG | SỐ LƯỢNG | TỶ LỆ (%) |
|----------|--|------------|-------------|
| 1 | Phân loại theo trình độ học vấn | 559 | 100% |
| 1.1 | Trên Đại học | 18 | 3% |
| 1.2 | Đại học | 362 | 65% |
| 1.3 | Trung cấp | 102 | 18% |
| 1.4 | Công nhân kỹ thuật | 77 | 14% |
| 2 | Phân loại theo phân cấp quản lý | 559 | 100% |
| 2.1 | Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc | 7 | 1% |
| 2.2 | Lao động quản lý | 47 | 8% |
| 2.3 | Lao động trực tiếp | 413 | 74% |
| 2.4 | Lao động gián tiếp | 92 | 16% |
| 3 | Phân loại theo giới tính | 559 | 100% |
| 3.1 | Nam | 508 | 91% |
| 3.2 | Nữ | 51 | 9% |

2. Các chính sách đối với người lao động

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Luôn đảm bảo thực hiện các chế độ làm việc theo đúng quy định của Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc ổn định, luôn khuyến khích sự sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc.
- Tuyển dụng và đào tạo lao động có chuyên môn phù hợp với vị trí và yêu cầu công việc, đồng thời sắp xếp và điều động lao động hợp lý giữa Công ty mẹ và các Công ty con.

Chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi

- Hệ thống lương của Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện về trình độ, năng lực, kinh nghiệm và hiệu quả công việc của từng CB-CNV, đồng thời phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.
- Công ty tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để CB-CNV thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.
- Người lao động được hưởng chế độ tiền thưởng theo thành tích công việc và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tạo điều kiện cải thiện đời sống vật chất, động viên và khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên.
- Công ty luôn nộp đúng, đủ và kịp thời các khoản phí bảo hiểm cho cơ quan Bảo hiểm xã hội và giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Hợp đồng lao động.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Đảm bảo thực hiện các chế độ an sinh xã hội cho người lao động theo Bộ Luật lao động, Nội quy



lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

- Thực hiện chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất các bệnh nghề nghiệp.

VI. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Công ty đã thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, tìm kiếm để đầu tư 01 tàu ven biển thay thế tàu Nhà Bè 03 đã thanh lý và đầu tư 01 tàu viễn dương thay thế tàu Petrolimex 08 đã thanh lý. Tuy nhiên, trong năm 2022 đã hoàn thành được việc tìm kiếm 01 tàu Nhà Bè 11 thay thế tàu Nhà Bè 03 đã thanh lý, còn dự án đầu tư 01 tàu viễn dương thay thế tàu Petrolimex 08 đã thanh lý vẫn chưa thực hiện được.

- Sang năm 2023, Công ty tiếp tục tìm kiếm tàu viễn dương mới để đầu tư thay thế tàu Petrolimex 08 đã thanh lý vừa đảm bảo phù hợp với cơ cấu và đường vận động hàng hoá của Tập đoàn cũng như thị trường vận tải biển trong khu vực.

VII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty TNHH Một Thành Viên Vitaco Sài Gòn

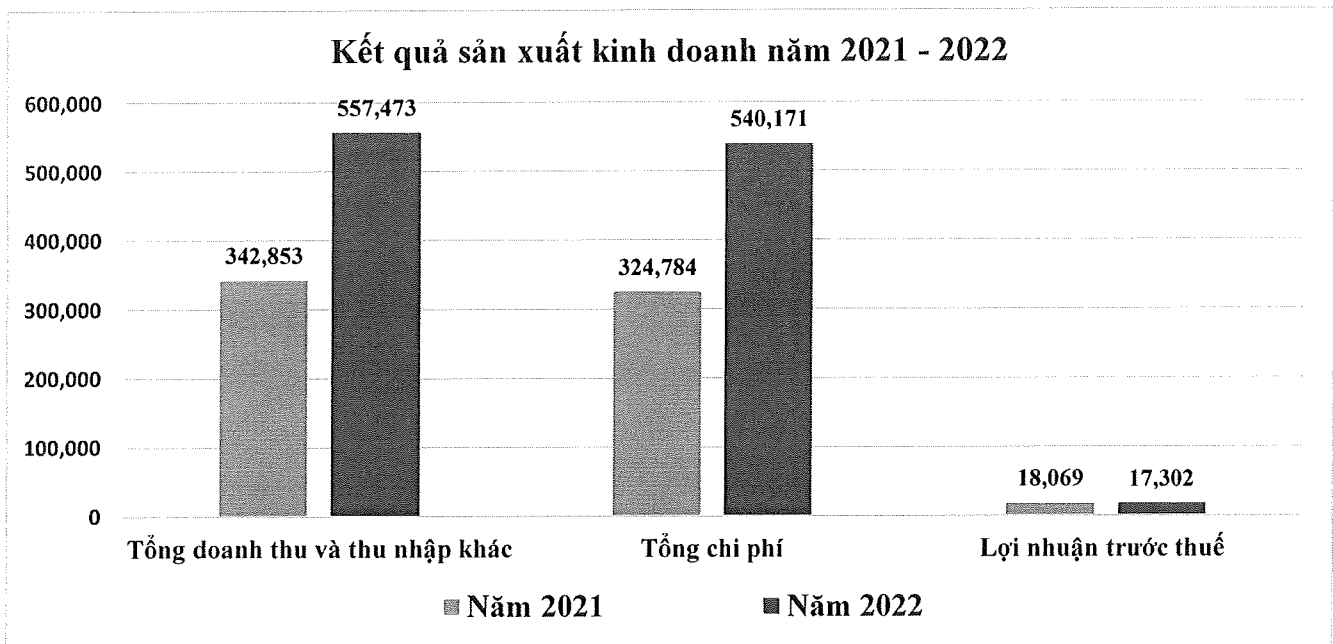
- Địa chỉ: Số 236/106/1A Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.28) 3514 4047 Fax: (84.28) 3512 3008
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Thoát nước và xử lý nước thải; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường thủy; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2022: 160.000.000.000đ (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ đồng) chiếm 100% vốn của Công ty mẹ.

Năm 2022, kết quả sản xuất kinh doanh Công ty VITACO Sài Gòn đạt được như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 557,5 tỷ đồng, tương đương 105,1% so với kế hoạch và 162,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng Chi phí đạt 540 tỷ đồng, tương đương 104,9% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 17 tỷ đồng, tương đương 110,3% so với kế hoạch và 95,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | TH2022/TH2021 | TH2022/KH2022 |
|-----|---------------------------------|---------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 530.883 | 342.853 | 557.473 | 162,60% | 105,01% |
| 2 | Tổng chi phí | 515.202 | 324.784 | 540.171 | 166,32% | 104,85% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 15.681 | 18.069 | 17.302 | 95,76% | 110,34% |



2. Công ty TNHH Một Thành Viên Vitaco Đà Nẵng

- Địa chỉ: 756 Ngô Quyền, P.An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (84.236) 3932 627 Fax: (84.236) 3932 526
- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ và lưu giữ hàng hóa trong kho; Dịch vụ vệ sinh tàu biển, thu gom xử lý nước thải trên tàu biển; Dịch vụ hỗ trợ vận tải thủy: bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi; Đại lý kinh doanh các sản phẩm xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường biển, đường không và đường bộ; Đại lý vận tải; Dịch vụ Logistic; Dịch vụ kiểm đếm, chèn lót, xếp dỡ hàng hoá tại cảng biển; Đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ khai thuế hải quan; Dịch vụ vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ và đường thủy.

- Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2022: 15.000.000.000đ (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng) chiếm 100% vốn của Công ty mẹ.

2.1 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Nha Trang (VITACO Nha Trang).

Địa chỉ: 47 Lê Thành Phương, P.Phương Sài, Nha Trang, Khánh Hòa.

2.2 Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Dung Quất.

Địa chỉ: Thôn Tuyệt Diêm 1, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.

2.3 Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Nghi Sơn.

Địa chỉ: Thôn Bắc Hải, Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

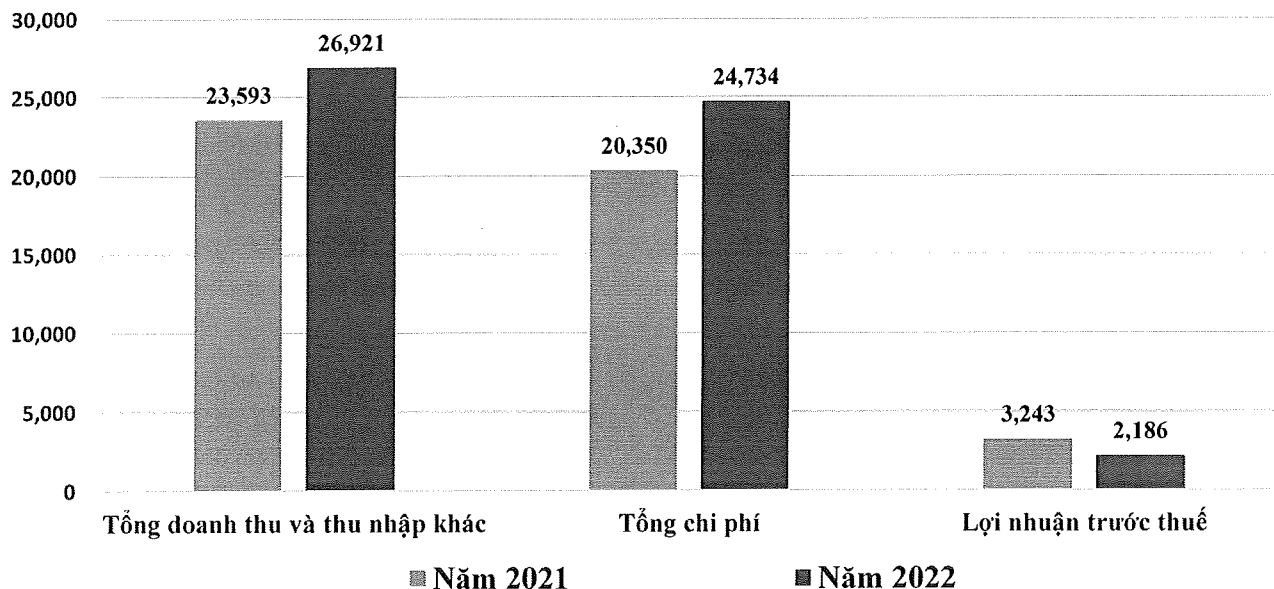
Năm 2022, kết quả sản xuất kinh doanh Công ty VITACO Đà Nẵng đạt được như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 27 tỷ đồng, tương đương 101,6% so với kế hoạch và 114,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng Chi phí đạt 25 tỷ đồng, tương đương 100,8% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2 tỷ đồng, tương đương 112,2% so với kế hoạch và 67,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2021 | Thực hiện 2022 | TH2022/TH2021 | TH2022/KH2022 |
|-----|---------------------------------|---------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 26.495 | 23.593 | 26.921 | 114,1% | 101,6% |
| 2 | Tổng chi phí | 24.546 | 20.350 | 24.734 | 121,5% | 100,8% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 1.949 | 3.243 | 2.186 | 67,41% | 112,2% |

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022



3. Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Ngày 01/10/2007 Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số



117/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết cổ phiếu.

| Mã cổ phiếu | VTO |
|---|------------|
| Loại cổ phiếu | Phổ thông |
| Mệnh giá (đồng/cổ phiếu) | 10.000 |
| Số cổ phiếu niêm yết lần đầu ngày 01/10/2007 | 40.000.000 |
| Số cổ phiếu niêm yết bổ sung lần 01 ngày 19/03/2008 | 20.000.000 |
| Số cổ phiếu niêm yết bổ sung lần 02 ngày 09/02/2010 | 19.866.666 |
| Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng | 79.866.666 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | 78.866.666 |
| Tổng số cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2022 | 79.866.666 |

Tình hình cổ phiếu quỹ

- Giao dịch bán cổ phiếu quỹ trong năm 2022: 1.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2022: 0 cổ phiếu

Các chứng khoán khác: Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

Cơ cấu cổ đông của Công ty theo danh sách chốt để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tại ngày 08/11/2022

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần sở hữu (Cổ phần) | Giá trị (1.000 đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC | 6,461 | 78,810,428 | 788,104,280 | 98.68 |
| 1.1 | Tổ chức | 50 | 43,464,009 | 434,640,090 | 54.42 |
| 1.2 | Cá nhân | 6,411 | 35,346,419 | 353,464,190 | 44.26 |
| 2 | CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI | 96 | 1,056,238 | 10,562,380 | 1.32 |
| 2.1 | Tổ chức | 18 | 817,408 | 8,174,080 | 1.02 |
| 2.2 | Cá nhân | 78 | 238,830 | 2,388,300 | 0.30 |
| | TỔNG CỘNG | 6,557 | 79,866,666 | 798,666,660 | 100 |

VIII. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu và thân thiện với môi trường

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường bằng cách thu gom, phân



loại và xử lý các chất thải, nước thải theo đúng tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vận tải xăng dầu nên lượng phát thải khí nhà kính là không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty cũng thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh và giám sát chặt chẽ các định mức tiêu hao nhiên liệu, tích cực tuyên truyền công tác thực hành tiết kiệm đến CB-CNV..

2. Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước

- Tổng lượng tiêu thụ điện năm 2022 là 308,76 kWh.
- Tổng lượng tiêu thụ nước năm 2022 là 3.314 m³.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiết kiệm trên từng lĩnh vực cụ thể, tăng cường rà soát cắt giảm chi phí vật tư phụ tùng, giảm bớt ngân sách sửa chữa và nâng cấp cho các hạng mục chưa cần thiết, chủ động đào tạo, tổ chức bố trí hợp lý việc thay ca thuyền viên, hợp lý hoá quá trình vận hành.
- Thường xuyên rà soát để tiết giảm các chi phí chưa thật sự cấp bách thông qua việc tối ưu hoá lại cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý góp phần tăng năng suất hiệu quả công việc.
- Tăng cường công tác bảo dưỡng, làm giảm quá trình mài mòn, tăng tuổi thọ động cơ, đồng thời giám sát chặt chẽ và kiểm tra định kỳ chất lượng dầu, sử dụng các thiết bị công nghệ cao để lọc dầu nhằm loại bỏ các tạp chất và tái sử dụng.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường

- Thực hiện tuyên truyền, vận động toàn thể CB-CNV tại văn phòng và tập thể thuyền viên trên tàu nâng cao ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường như giữ bếp và khu ăn uống sạch sẽ, chế biến thức ăn an toàn hợp lý, tránh lãng phí.
- Khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghệ thân thiện và bảo vệ môi trường.
- Công ty VITACO luôn có ý thức trong việc bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố môi trường nào cũng như chưa bị xử phạt các vấn đề liên quan đến việc vi phạm về bảo vệ môi trường.

4. Liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2022 là 559 người, tương đương 99% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã đạt được hiệu quả trong việc sử dụng lao động và tiết kiệm chi phí.
- Mức lương bình quân năm 2022 là 21.100.000 đồng/người/tháng, tương đương 105% so với kế hoạch.
- Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, cơ cấu lao động hợp lý.

Chính sách phúc lợi cho người lao động

- Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho tất cả người lao động, trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân theo tính chất công việc, hạn chế đến mức thấp nhất các bệnh nghề nghiệp.
- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn và vệ sinh lao động phù hợp với từng loại máy móc thiết bị, tổ chức tốt nơi làm việc, nhất là những nơi có điều kiện làm việc nguy hiểm hoặc gây hại đến sức khỏe của người lao động.
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động như tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm, tặng quà nhân các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức khen thưởng cho con của CB-CNV đạt thành tích tốt

trong học tập, thăm hỏi ốm đau thai sản, phúng viếng phụ mẫu của người lao động qua đời và nhiều hoạt động nhằm gắn kết mối quan hệ cho những CB-CNV đã về hưu.

Công tác đào tạo

Trong năm 2022, Công ty VITACO đã xây dựng và tổ chức, cử người tham gia các khoá học để bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thuyền viên, CB-CNV để nâng cao trình độ nghề nghiệp nhằm sử dụng tối đa nguồn nhân lực hiện có, giúp doanh nghiệp tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tổ chức các khoá học “Mô phỏng an toàn trực ca” cho 38 thuyền viên.
- Tổ chức cập nhật kiến thức, phổ biến quy trình SIRE 2.0 cho 40 thuyền viên tại TP. HCM và Hải Phòng.
- Cử 06 CBCNV tham gia khoá bồi dưỡng quản lý cấp trung do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tổ chức đào tạo.
- Cử 04 cán bộ đang tham gia học khoá bồi dưỡng lý luận chính trị.
- Các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Liên quan đến cộng đồng địa phương

Công ty luôn quan tâm tới các vấn đề về giáo dục, đời sống người dân trên địa bàn... Các hoạt động xã hội tiêu biểu, Công ty đã thực hiện hỗ trợ trong năm 2022 như: Quỹ học bổng Đại học Hàng Hải Việt Nam, Quỹ học bổng Đại học Giao thông vận tải Tp. Hồ Chí Minh; Quỹ vì người nghèo phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh và Hỗ trợ 04 em học sinh trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19...

6. BC liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

IX. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính đến ngày 31/12/2022, HĐQT của Công ty VITACO gồm 07 thành viên, có cơ cấu như sau:

| STT | Họ và Tên | Chức danh | Chức danh nắm giữ tại Công ty khác | Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến 31/12/2022) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|-----------|
| 1 | La Văn Út | Chủ tịch HĐQT (Đại diện pháp luật) | - | 606.647 | 0,759 |
| 2 | Nguyễn Quang Cường | TV HĐQT/TGD (Đại diện pháp luật) | - | 0 | 0 |
| 3 | Phạm Lý Trang Khanh | TV HĐQT điều hành | - | 5.500 | 0,007 |



PETROLIMEX

| | | | | | |
|---|-----------------|----------------------------|--|--------|-------|
| 4 | Trương Văn Minh | TV HĐQT độc lập | - | 5.622 | 0,007 |
| 5 | Bùi Hồng Dũng | TV HĐQT điều hành | - | 4.350 | 0,005 |
| 6 | Nguyễn Chí Nam | TV HĐQT điều hành | - | 32.300 | 0,040 |
| 7 | Lê Minh Ngọc | TV HĐQT không điều hành | Trưởng phòng Kinh doanh Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex | 0 | 0 |

Thay đổi Ban điều hành trong năm: Không có

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã họp 04 cuộc họp định kỳ và tổ chức 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo ban hành 15 Nghị quyết để chỉ đạo, quản lý và giám sát các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trực tiếp tham gia các cuộc họp của Ban TGD, các cuộc họp giao ban với các đơn vị thành viên để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------------|
| 1 | La Văn Út | 14/14 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Quang Cường | 14/14 | 100% | |
| 3 | Phạm Lý Trang Khanh | 14/14 | 100% | |
| 4 | Trương Văn Minh | 14/14 | 100% | |
| 5 | Bùi Hồng Dũng | 14/14 | 100% | |
| 6 | Nguyễn Chí Nam | 14/14 | 100% | |
| 7 | Lê Minh Ngọc | 14/14 | 100% | |

Nội dung các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, cụ thể như sau:



PETROLIMEX

| STT | Ngày | Nội dung | Kết quả | Tỷ lệ thông qua | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|---------------------------------------|--|--------------------------------|-----------------|-----------|--------------|----------|----------|----------------|-----------------|--------------------------------|---------|-------------------|----------|-----------|------------|----------|---------------------------------------|-----------|---------|------------|--------|--------------------------------|------|
| 1 | 17/02/2022 | <p>Thông nhất chủ trương đầu tư 01 tàu ven biển cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn theo hình thức như các tàu Nhà Bè 06, Nhà Bè 08, Nhà Bè 09, Nhà Bè 10 trong những năm qua, với các thông số cơ bản như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>Trọng tải</td> <td>~ 7.000MT</td> </tr> <tr> <td>Tuổi tàu</td> <td><15 năm</td> </tr> <tr> <td>Nơi đóng</td> <td>Nhật Bản</td> </tr> <tr> <td>Giá trị đầu tư</td> <td>~ 8.500.000 USD</td> </tr> </table> <p>Sau khi đầu tư tàu mới, Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitacoiao tài sản và cấp vốn đối ứng để đảm bảo Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn có đủ nguồn vốn lưu động để hoạt động.</p> <table border="1"> <tr> <td>Số IMO</td> <td>9427419</td> </tr> <tr> <td>Trọng tải (gross)</td> <td>4.552 MT</td> </tr> <tr> <td>Ngày đóng</td> <td>26/03/2008</td> </tr> <tr> <td>Nơi đóng</td> <td>Nhà máy Niigata Shipbuilding & Repair</td> </tr> <tr> <td>Chiều dài</td> <td>109,6 m</td> </tr> <tr> <td>Chiều rộng</td> <td>17,2 m</td> </tr> </table> <p>- Phê duyệt cho TGD Công ty tiến hành đàm phán việc mua tàu SILVER HANA theo các thông số như sau:</p> | Trọng tải | ~ 7.000MT | Tuổi tàu | <15 năm | Nơi đóng | Nhật Bản | Giá trị đầu tư | ~ 8.500.000 USD | Số IMO | 9427419 | Trọng tải (gross) | 4.552 MT | Ngày đóng | 26/03/2008 | Nơi đóng | Nhà máy Niigata Shipbuilding & Repair | Chiều dài | 109,6 m | Chiều rộng | 17,2 m | Nghị quyết 165/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% |
| Trọng tải | ~ 7.000MT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tuổi tàu | <15 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nơi đóng | Nhật Bản | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Giá trị đầu tư | ~ 8.500.000 USD | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Số IMO | 9427419 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trọng tải (gross) | 4.552 MT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày đóng | 26/03/2008 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nơi đóng | Nhà máy Niigata Shipbuilding & Repair | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chiều dài | 109,6 m | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chiều rộng | 17,2 m | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 03/03/2022 | <p>- Thông nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ;</p> <p>- Giao Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định hiện hành;</p> | Nghị quyết 166/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 24/03/2022 | <p>- Thông nhất phê duyệt đầu tư tàu ven biển SILVER HANA, với nội dung cơ bản như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>Số IMO</td> <td>9427419</td> </tr> <tr> <td>Trọng tải</td> <td>6.717,55 DWT</td> </tr> <tr> <td>Năm đóng</td> <td>2008</td> </tr> <tr> <td>Nơi đóng</td> <td>Nhật Bản</td> </tr> </table> <p>+ Giá mua tàu: 7,6 triệu USD.</p> <p>+ Giá trị đầu tư: Khoảng 8,43 triệu USD (Đã bao gồm các loại thuế, phí và chi phí giao nhận tàu).</p> | Số IMO | 9427419 | Trọng tải | 6.717,55 DWT | Năm đóng | 2008 | Nơi đóng | Nhật Bản | Nghị quyết 167/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% | | | | | | | | | | | | |
| Số IMO | 9427419 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trọng tải | 6.717,55 DWT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Năm đóng | 2008 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nơi đóng | Nhật Bản | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

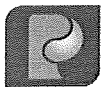


| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>+ Thời gian giao tàu (Dự kiến): Từ ngày 28/03/2022 đến 15/04/2022.</p> <p>+ Nơi giao tàu: Vũng Tàu – Việt Nam.</p> <p>+ Địa điểm ký kết closing (Online closing): Woori Bank Chi nhánh Hồ Chí Minh – Việt Nam và Woori Bank Chi nhánh Seoul – Hàn Quốc.</p> <p>- Phê duyệt nguồn vốn đầu tư mua tàu:</p> <p>+ 30% giá trị đầu tư dự án trích từ Vốn chủ sở hữu của Công ty.</p> <p>+ 70% giá trị đầu tư dự án từ Vốn vay ngân hàng.</p> <p>Thông nhất chọn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM là ngân hàng tài trợ dự án tàu ven biển của Công ty.</p> <p>- Thống nhất giao TGD Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco thực hiện ký kết hợp đồng mua bán tàu (MOA), hợp đồng vay vốn ngân hàng và các công việc liên quan đến giao dịch mua tàu theo đúng quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>- Thống nhất đặt tên tàu đầu tư mới là NHA BE 11.</p> <p>- Sau khi hoàn tất đầu tư tàu, Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco sẽ bàn giao tàu cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn quản lý và khai thác, đồng thời chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng vay tài trợ tàu mới cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn tiếp tục thực hiện.</p> | | |
| | <p>- Phê duyệt phương án vay vốn đầu tư mua tàu Silver Hana (tên mới là NHA BE 11), chi tiết như sau:</p> <p>+ Giá trị vay: Tối đa 130.000.000.000 VNĐ.</p> <p>+ Thời hạn vay: 120 tháng.</p> <p>+ Phương thức vay: Vốn độc lập.</p> <p>+ Lãi suất vay: Năm đầu tiên: 7,3%/năm.</p> <p>* Năm thứ 2 trở đi = Lãi suất cơ sở + Biên độ, trong đó:</p> <p>* Lãi suất cơ sở: Lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12T trả lãi cuối kỳ tại VCB.</p> <p>* Biên độ: 2,5%/năm trong suốt thời gian vay.</p> <p>+ Mục đích vay vốn: Tài trợ nhu cầu vốn hợp pháp, hợp</p> | | |



PETROLIMEX

| | | | | |
|---|------------|---|--------------------------------|------|
| 4 | 25/03/2022 | <p>lý, hợp lệ của Công ty để thực hiện Dự án Đầu tư tàu chở xăng dầu SILVER HANA trên căn cứ thực hiện Nghị quyết số 152/VITACO-NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư thêm tàu chở xăng dầu có trọng tải khoảng 7.000 DWT nhằm duy trì và nâng cao năng lực vận tải của Công ty sau khi thanh lý tàu Nhà Bè 03.</p> <p>+ Biện pháp đảm bảo khoản vay: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai: Tàu chở dầu Silver Hana.</p> <p>+ Nguồn thanh toán/trả nợ: Doanh thu khai thác tàu và khấu hao tài sản cố định.</p> <p>- Thống nhất sử dụng tàu Silver Hana (Tên mới là NHA BE 11) làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nói trên tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Tp.HCM.</p> <p>- Thống nhất giao TGD (Đại diện pháp luật của Công ty) đại diện ký kết các văn kiện tín dụng tại Vietcombank Chi nhánh Tp.HCM về các giao dịch liên quan đến quá trình mua tàu theo đúng quy định pháp luật hiện hành.</p> | Nghị quyết 168/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% |
| 5 | 18/04/2022 | <p>- Thống nhất bổ nhiệm lại Ông NGUYỄN ĐĂNG QUỐC tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/05/2022.</p> <p>- Giao Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco ký quyết định bổ nhiệm lại chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> | Nghị quyết 169/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% |
| 6 | 10/05/2022 | <p>Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt như sau:</p> <p>+ Mức chi trả cổ tức: 8% (800 đồng /cổ phiếu).</p> <p>+ Ngày đăng ký cuối cùng: 02/06/2022.</p> <p>+ Ngày thực hiện chi trả cổ tức: 22/06/2022.</p> | Nghị quyết 171/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% |
| 7 | 13/05/2022 | <p>- Phê duyệt giá trị quyết toán sửa chữa trung gian lần 03 cho tàu Petrolimex 11 (tháng 10/2021) là: 28.376.970.249 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT).</p> <p>- Giao Chủ tịch HĐQT Công ty ký quyết định phê duyệt quyết toán sửa chữa định kỳ tàu Petrolimex 11 theo đúng quy định hiện hành.</p> | Nghị quyết 172/ VITACO-NQ-HĐQT | 100% |
| | | <p>- Thống nhất kết quả SXKD ước 04 tháng năm 2022.</p> | | |

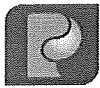


| | | | | |
|---|------------|--|---------------------------------------|------|
| 8 | 26/05/2022 | <p>HDQT chỉ đạo tiếp tục bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, có giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch trong những tháng còn lại năm 2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thành lập Ban kiểm toán nội bộ Công ty. Giao Ban Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn, đề xuất nhân sự phù hợp với quy định của Pháp luật. Xin ý kiến các thành viên HDQT ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ trong thời gian tới. - Tiếp tục thực hiện việc thoái vốn đối với cổ phần Công ty CP An Phú và Công ty CP Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam. - Thống nhất việc thành lập đoàn khảo sát thị trường tại Hy Lạp và giao TGD Công ty tổ chức triển khai thực hiện. | Nghị quyết 173/ VITACO- NQ-HDQT | 100% |
| 9 | 22/06/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương bàn giao tàu NHA BE 11 cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn quản lý và khai thác, đồng thời bàn giao toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc mua tàu NHA BE 11. Phối hợp với Vietcombank Hồ Chí Minh chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng cấp tín dụng số 0047/2238/D-CTD, hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 0047/2238D-DA/01 và các văn bản có liên quan khác. - Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco đồng ý bảo lãnh không huỷ ngang và vô điều kiện cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn trong việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vay và toàn bộ các khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác trong Hợp đồng tín dụng tài trợ tàu NHA BE 11 ký với Vietcombank Hồ Chí Minh. <p>Thời hạn bảo lãnh: 120 tháng kể từ ngày phát hành văn bản bảo lãnh đến khi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn hoàn thành nghĩa vụ tín dụng với Vietcombank Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất giao Chủ tịch HDQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco đại diện ký kết thư bảo lãnh vay vốn nêu trên tại Vietcombank Hồ Chí Minh. - Thống nhất giao Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco và Giám đốc Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn đại diện ký kết các văn kiện tại Vietcombank Hồ Chí Minh về các giao dịch liên quan | Nghị quyết 174/ VITACO- NQ-HDQT | 100% |

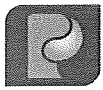


PETROLIMEX

| | | | | |
|----|------------|---|---------------------------------------|------|
| | | đến quá trình bàn giao nợ của hợp đồng tín dụng trên theo đúng quy định hiện hành. | | |
| 10 | 29/06/2022 | <p>- Thống nhất chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo đàm phán giá trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện việc ký kết hợp đồng với Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo đúng quy định.</p> <p>- Thống nhất ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco.</p> | Nghị quyết 175/ VITACO- NQ-HĐQT | 100% |
| 11 | 04/08/2022 | <p>- Thống nhất phê duyệt nguyên giá và thời hạn trích khấu hao tàu Nhà Bè 11:</p> <p>1. Nguyên giá tàu Nhà Bè 11: 192.697.769.017 VNĐ (Một trăm chín mươi hai tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm mười bảy đồng).</p> <p>Trong đó: Giá mua: 7.600.000 USD tương đương 174.511.048.000 VNĐ Chi phí giao nhận tàu, thuế và các chi phí khác: 18.186.721.017 VNĐ</p> <p>2. Thời hạn trích khấu hao tàu Nhà Bè 11: 10 năm. Thời điểm bắt đầu trích khấu hao: 04/2022.</p> <p>- Thông qua Tờ trình về việc chuyển giao quyền sở hữu tàu Nhà Bè 11:</p> <p>1. Tài sản chuyển giao/ nhận chuyển giao tàu Nhà Bè 11 với giá trị được xác định tại thời điểm chuyển giao là: 192.697.769.017 VNĐ. (Một trăm chín mươi hai tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm mười bảy đồng).</p> <p>2. Công ty CP Vận tải Xăng Dầu Vitaco chấp thuận/phê duyệt việc chuyển giao quyền sở hữu (không bao gồm hình thức mua bán hoặc góp vốn) tàu Nhà Bè 11 cho Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn; và Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn chấp thuận/phê duyệt việc nhận chuyển giao quyền sở hữu (không bao gồm hình thức mua bán hoặc góp vốn) Tàu Nhà Bè 11 từ Công ty CP</p> | Nghị quyết 176/ VITACO- NQ-HĐQT | 100% |



| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>Vận tải Xăng Dầu Vitaco.</p> <p>3. Công ty CP Vận tải Xăng Dầu Vitaco duy trì sở hữu 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn trong suốt thời gian vay vốn tại Vietcombank HCM.</p> <p>4. Công ty CP Vận tải Xăng Dầu Vitaco tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn cho Vietcombank HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số: 0047/2238/D-CTD đã ký kết giữa hai bên.</p> <p>5. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển giao tài sản, Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn tiếp tục thực hiện thủ tục thế chấp, công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với Tàu Nhà Bè 11 cho Vietcombank HCM để tiếp tục đảm bảo cho khoản cấp tín dụng của VITACO tại Vietcombank HCM.</p> <p>6. Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Vietcombank HCM, đồng thời cam kết và thực hiện chuyển toàn bộ doanh thu phát sinh từ việc khai thác Tàu Nhà Bè 11 về tài khoản này.</p> <p>7. Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn cam kết và thực hiện cung cấp tài chính cho Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Vietcombank HCM đúng hạn.</p> <p>8. Chấp thuận cho Ngân hàng Vietcombank HCM được quyền trích tiền trên tài khoản thanh toán của Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn để thu nợ đến hạn (bao gồm gốc và lãi) của Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco trong trường hợp không cung cấp tài chính đúng hạn để Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vitaco trả nợ cho Ngân hàng Vietcombank HCM.</p> <p>9. Thông qua phương án sử dụng vốn và biện pháp bảo đảm điều chỉnh tại Ngân hàng Vietcombank HCM với các nội dung cơ bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">❖ Tài sản đảm bảo:<ul style="list-style-type: none">- Tàu chở xăng dầu Nhà Bè 11 hiện đã hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành.- Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco thực hiện cầm cố tiền gửi tại Vietcombank HCM số tiền 40 tỷ đồng cho | | |
|--|---|--|--|



| | | | | |
|----|------------|--|---------------------------------------|------|
| | | <p>đến khi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn hoàn thành thủ tục đăng ký tàu biển chính thức và hoàn tất thủ tục thế chấp lại cho Vietcombank HCM.</p> <p>❖ Nguồn và kế hoạch trả nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu từ tàu Nhà Bè 11 (sau khi trừ các chi phí hoạt động) do Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn khai thác. - Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh hiện hữu của Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco: Lợi nhuận và khấu hao hàng năm của Công ty dự kiến đủ đảm bảo khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ gốc và lãi đến hạn hàng năm trong suốt thời gian vay vốn. - Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh hiện hữu Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn. <p>❖ Các nội dung khác không thay đổi so với Phương án sử dụng vốn số 01/2022/VITACO ngày 28/03/2022.</p> <p>10. Thống nhất giao Tổng giám đốc Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco và Giám đốc Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên và ký kết thỏa thuận, hợp đồng, thủ tục cầm cố thế chấp và các văn bản có liên quan với Ngân hàng Vietcombank HCM phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thống nhất không tăng thêm vốn cho Công ty Vitaco Sài Gòn. Giao Bà Phạm Lý Trang Khanh - Phó Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo bộ phận TCKT công ty và Vitaco Sài Gòn rà soát phương án cơ cấu lại vấn đề tài chính, làm rõ phương án trả nợ của Công ty Vitaco Sài Gòn, đồng thời Công ty Vitaco Sài Gòn có văn bản cam kết trả nợ để trình HĐQT thông qua sau. | | |
| 12 | 25/08/2022 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cơ cấu lại công nợ phát sinh do đầu tư đổi mới đội tàu Công ty Vitaco Sài Gòn. Tổng công nợ phát sinh giữa Công ty VITACO và Vitaco Sài Gòn tại thời điểm 30/06/2022 là 260 tỷ đồng, trong đó: + Khoản tài trợ từ phía ngân hàng Vietcombank HCM cho dự án đầu tư tàu Nhà Bè 11 là 122,14 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ số 1 kèm theo hợp đồng cho vay 0047/2238/D-DA/01. Do đó, công ty Vitaco Sài Gòn phải có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi vay và chi phí tài chính khác (nếu có) thay Công ty VITACO khoản vay | Nghị quyết 177/ VITACO- NQ-HĐQT | 100% |



PETROLIMEX

| | | <p>này theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký với Vietcombank HCM.</p> <p>+ Phần công nợ còn lại là 138 tỷ đồng, công ty Vitaco Sài Gòn dùng phần chênh lệch nguồn khấu hao và trả gốc vay đội tàu chi trả, dự kiến hết năm 2025. Thời gian và mức thanh toán công nợ cho Công ty VITACO như sau: Năm 2022 : 15 tỷ đồng; Năm 2023: 35 tỷ đồng; Năm 2024 : 43 tỷ đồng; Năm 2025 : 45 tỷ đồng</p> <p>- Giao Tổng Giám đốc Công ty và Chủ tịch Công ty Vitaco Sài Gòn chỉ đạo việc tổ chức theo dõi hạch toán và thu hồi công nợ đầu tư đổi mới đội tàu theo đúng quy định.</p> <p>- Nghị quyết này thay thế Nghị Quyết số 155/VITACO-NQ-HĐQT ngày 17/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|----------------------------|---|--------------------------------|----------|-------------------|--------------------------------|---|----------------------------|---------|-----------|---|----------------------|--------|--------|---|--------------------|--------|--------|---------------------------------------|-------------|
| <p>13</p> | <p>18/10/2022</p> | <p>- Thống nhất ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng năm 2022: Tổng doanh thu và thu nhập: ước 09 tháng năm 2022 đạt 854,1 tỷ đồng, tương đương 95,3% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế ước 09 tháng năm 2022 đạt 37,5 tỷ đồng, tương đương 148% so với kế hoạch.</p> <p>- Thống nhất trình ĐHCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, cụ thể: + Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, một số chỉ tiêu cơ bản:</p> <table border="1" data-bbox="432 1440 1182 2029"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kế hoạch Năm 2022</th> <th>Kế hoạch Năm 2022 (Điều chỉnh)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng Doanh thu và Thu nhập</td> <td>896.373</td> <td>1.165.931</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>25.337</td> <td>70.074</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>18.806</td> <td>52.981</td> </tr> </tbody> </table> | STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch Năm 2022 | Kế hoạch Năm 2022 (Điều chỉnh) | 1 | Tổng Doanh thu và Thu nhập | 896.373 | 1.165.931 | 2 | Lợi nhuận trước thuế | 25.337 | 70.074 | 3 | Lợi nhuận sau thuế | 18.806 | 52.981 | <p>Nghị quyết 178/ VITACO-NQ-HĐQT</p> | <p>100%</p> |
| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch Năm 2022 | Kế hoạch Năm 2022 (Điều chỉnh) | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tổng Doanh thu và Thu nhập | 896.373 | 1.165.931 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 25.337 | 70.074 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 18.806 | 52.981 | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | |
|----|------------|---|---------------------------------------|------|
| | | <p>+ Thông qua Dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>- Thông qua tiến độ thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cụ thể:</p> <p>+ Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông: Ngày 08/11/2022.</p> <p>+ Thời hạn cuối cùng để cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty VITACO: Trước 10h00 ngày 09/12/2022.</p> <p>- Thống nhất bổ nhiệm lại Bà Bùi Thùy Châm tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng</p> | | |
| 14 | 18/10/2022 | <p>- Thống nhất lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO như sau:</p> <p>+ Ngày đăng ký cuối cùng: 08/11/2022.</p> <p>+ Thời hạn để cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty VITACO: Trước 10h00 ngày 09/12/2022-NQ-HĐQT ngày 17/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.</p> | Nghị quyết 179/ VITACO- NQ-HĐQT | 100% |
| 15 | 18/11/2022 | <p>Thống nhất chủ trương phối hợp với Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex tổ chức hội thao CNVC-LĐ Tổng công ty năm 2022. Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO là đơn vị đăng cai tổ chức. Nội dung cụ thể như sau:</p> <p>+ Đơn vị tham gia: Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị thành viên của Tổng công ty và Công ty Xăng dầu KV2.</p> <p>+ Thời gian tổ chức: Từ ngày 02/12/2022 đến ngày 03/12/2022.</p> <p>+ Địa điểm tổ chức: Tại Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Môn thi đấu: Bóng đá 5 người, và kéo co (nam và nam - nữ phối hợp).</p> | Nghị quyết 180/ VITACO- NQ-HĐQT | 100% |

ĐHQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện cho các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn



lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi, bàn bạc cùng Tổng giám đốc, chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và nhân sự của Công ty.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Công ty VITACO không có tiểu ban thuộc HĐQT.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị

| Họ và Tên | Chức vụ |
|-----------|---------------|
| La Văn Út | Chủ tịch HĐQT |

2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Đánh giá chung

- Năm 2022, HĐQT đã thực hiện các hoạt động theo đúng tinh thần mà Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên đề ra. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tích cực đóng góp ý kiến vào các hoạt động chỉ đạo tình hình SXKD của Công ty.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, các thành viên thực hiện tốt chức trách và nhiệm vụ của mình, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò của mình, nhận thức rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của cổ đông và Công ty.
- Đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban TGD thực hiện tốt vai trò điều hành của mình.
- Lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng và lợi nhuận của năm 2022, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.

Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT:

- Các cuộc họp của HĐQT đã được diễn ra thường xuyên và kịp thời với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo theo đúng các nguyên tắc đề ra. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Các nội dung họp đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD. Quá trình thực thi hoạt động của Công ty được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng.

Về việc giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban TGD, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời theo tình hình thực tế.

- Các thành viên HĐQT nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban TGD. Các thành viên HĐQT giữ các chức danh trong Ban TGD đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban TGD. Các quyết sách của Ban TGD được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ và cập nhật nhanh nhất tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

3. Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát

- Tính đến ngày 31/12/2022, Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên: 01 Trưởng Ban chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm, cụ thể như sau:

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Ngày bắt đầu là TV BKS | Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến 31/12/2022) | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|------------|------------------------|---|-----------|
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | Trưởng BKS | 12/04/2021 | 6.776 | 0,009 |
| 2 | Phạm Văn Trung | TV BKS | 12/04/2021 | 0 | 0 |
| 3 | Phạm Thuý Hà | TV BKS | 12/04/2021 | 0 | 0 |

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tổ chức 02 các cuộc họp định kỳ để triển khai các công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS, cụ thể như sau:

| TT | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|---|-----------------|
| 1 | - Trình bày kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. - Một số vấn đề khác. | 100% |
| 2 | - Kiểm tra, soát xét và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công của các thành viên BKS; việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty năm 2022 - Dự thảo, hoàn thiện báo cáo trình ĐHĐCĐ năm 2023 của Công ty theo quy định. | 100% |

- Xây dựng kế hoạch, xác định nội dung trọng tâm để kiểm tra giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ an toàn, hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo quyết toán tài chính.

- Thẩm định báo cáo tài chính, kiểm tra độ tin cậy của các số liệu báo cáo của Công ty mẹ, các công ty thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất toàn Công ty;

- Thực hiện việc giám sát HĐQT, Ban điều hành về việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Đánh giá việc huy động, sử dụng vốn và phân phối các nguồn lực tài chính, cũng như đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Tham dự các phiên họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia góp ý xây dựng các Nghị quyết, Quy chế quản lý, thông qua đó báo cáo HĐQT kết quả kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất và kiến nghị những tồn tại phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Việc trả tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty được thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.

Đơn vị tính: VND

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương |
|--|---------------------|-------------------|--------------------|
| Thù lao của Hội đồng Quản trị | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Cường | Ủy viên HĐQT | 96.000.000 |
| 2 | Phạm Lý Trang Khanh | Ủy Viên HĐQT | 96.000.000 |
| 3 | Nguyễn Chí Nam | Ủy Viên HĐQT | 96.000.000 |
| 4 | Lê Minh Ngọc | Ủy Viên HĐQT | 96.000.000 |
| 5 | Trương Văn Minh | Ủy Viên HĐQT | 96.000.000 |
| 6 | Bùi Hồng Dũng | Ủy Viên HĐQT | 96.000.000 |
| Thù lao của Ban Kiểm soát | | | |
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | Trưởng BKS | Lương chuyên trách |
| 2 | Phạm Văn Trung | Thành viên BKS | 67.200.000 |
| 3 | Phạm Thúy Hà | Thành viên BKS | 67.200.000 |
| Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát | | | |
| 1 | La Văn Út | Chủ tịch HĐQT | 886.515.946 |
| 2 | Nguyễn Quang Cường | Tổng Giám Đốc | 740.422.687 |
| 3 | Phạm Lý Trang Khanh | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 |
| 4 | Nguyễn Quang Chiến | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 |
| 5 | Đỗ Quang Minh | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út
Ông Trương Văn Minh
Ông Bùi Hồng Dũng
Ông Nguyễn Quang Cường
Bà Phạm Lý Trang Khanh
Ông Lê Minh Ngọc
Ông Nguyễn Chí Nam

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường
Bà Phạm Lý Trang Khanh
Ông Nguyễn Quang Chiến
Ông Bùi Hồng Dũng
Ông Đỗ Quang Minh
Bà Văn Thị Hồng Phượng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Phạm Thúy Hà
Ông Phạm Văn Trung

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023

04
G
M
M
M



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00370-23-2



Trương Văn Phúc

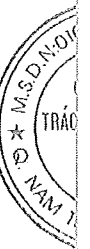
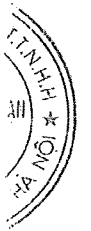
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 15/03/2023

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 753.729.905.015 | 750.821.857.348 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 530.996.020.412 | 566.310.617.349 |
| Tiền | 111 | | 40.996.020.412 | 36.310.617.349 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 490.000.000.000 | 530.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 112.512.427.714 | 94.598.683.931 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 92.068.268.196 | 48.783.797.707 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 719.368.226 | 10.919.592.923 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 19.808.130.385 | 34.895.293.301 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (83.339.093) | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 101.480.534.844 | 85.234.295.433 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 101.480.534.844 | 85.234.295.433 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.740.922.045 | 4.678.260.635 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.146.881.932 | 1.590.582.912 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 7.594.040.113 | 2.905.697.988 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | | - | 181.979.735 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260) | 200 | | 938.736.307.689 | 1.005.233.846.764 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 233.500.000 | 231.500.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 233.500.000 | 231.500.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 911.649.310.137 | 977.629.035.981 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 888.915.370.380 | 954.282.091.732 |
| Nguyên giá | 222 | | 4.270.039.391.401 | 4.077.341.622.384 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.381.124.021.021) | (3.123.059.530.652) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 22.733.939.757 | 23.346.944.249 |
| Nguyên giá | 228 | | 28.250.980.211 | 28.250.980.211 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (5.517.040.454) | (4.904.035.962) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 12 | 17.441.871.940 | 17.640.046.940 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 64.500.000.000 | 64.500.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (47.058.128.060) | (46.859.953.060) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.411.625.612 | 9.733.263.843 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 361.273.231 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 9.411.625.612 | 9.371.990.612 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.692.466.212.704 | 1.756.055.704.112 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

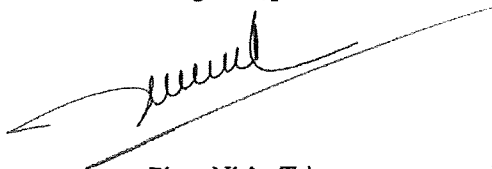
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

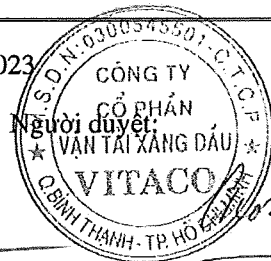
| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 541.268.264.994 | 608.388.992.794 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 253.803.478.994 | 361.751.568.544 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 35.633.722.313 | 46.412.595.336 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 111.606.461 | 107.796.886 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 14 | 10.276.778.291 | 25.410.103.865 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 40.950.157.093 | 38.784.964.465 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 4.055.555.354 | 9.784.190.851 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 1.127.125.854 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 34.464.251.937 | 28.781.083.476 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 17(a) | 80.874.148.000 | 96.821.123.742 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 18 | 33.472.650.000 | 104.987.339.280 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 12.837.483.691 | 10.662.370.643 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 287.464.786.000 | 246.637.424.250 |
| Vay dài hạn | 338 | 17(b) | 287.464.786.000 | 246.637.424.250 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 1.151.197.947.710 | 1.147.666.711.318 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 1.151.197.947.710 | 1.147.666.711.318 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 798.666.660.000 | 798.666.660.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 798.666.660.000 | 798.666.660.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 20 | 123.257.066 | (160.015.910) |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 20 | - | (11.635.553.757) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 213.491.855.223 | 213.491.855.223 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 138.916.175.421 | 147.303.765.762 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 65.568.134.914 | 17.997.895.153 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 73.348.040.507 | 129.305.870.609 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.692.466.212.704 | 1.756.055.704.112 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp



Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

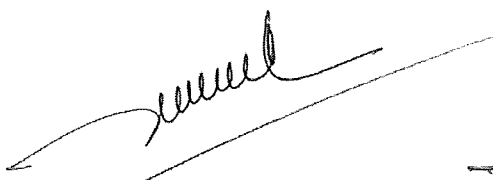
Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 1.180.182.755.160 | 946.220.334.284 |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | 25 | 984.060.034.800 | 816.268.900.186 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 196.122.720.360 | 129.951.434.098 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 17.641.819.790 | 15.924.899.591 |
| Chi phí tài chính | 22 | 27 | 33.892.446.004 | 24.421.719.967 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 26.080.925.684 | 23.913.418.379 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 1.322.371.973 | 1.312.553.082 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 86.073.643.283 | 67.946.864.019 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 92.476.078.890 | 52.195.196.621 |
| Thu nhập khác | 31 | 29 | 4.978.335.027 | 112.787.995.606 |
| Chi phí khác | 32 | | 2.860.688.708 | 689.194.583 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 2.117.646.319 | 112.098.801.023 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 94.593.725.209 | 164.293.997.644 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 21.285.319.702 | 34.964.592.035 |
| (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31 | (39.635.000) | 23.535.000 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 73.348.040.507 | 129.305.870.609 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 693 | 1.411 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|---|-----------|----------------|--------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 94.593.725.209 | 164.293.997.644 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 258.677.494.861 | 245.367.745.515 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 62.701.906.153 | 71.156.018.943 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 4.859.689.569 | (2.285.458.083) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (15.258.951.615) | (119.211.687.393) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 26.080.925.684 | 23.913.418.379 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 431.654.789.861 | 383.234.035.005 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (22.619.930.556) | (13.229.871.663) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (16.246.239.411) | 17.213.037.010 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (153.143.179.262) | (91.051.755.218) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 804.974.211 | (1.453.566.182) |
| | | | 240.450.414.843 | 294.711.878.952 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (26.158.909.242) | (24.386.079.301) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (27.113.176.272) | (20.975.830.875) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (13.225.085.000) | (13.777.970.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 173.953.244.329 | 235.571.998.776 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (192.697.769.017) | (931.972.036) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 106.767.853.994 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 15.258.951.615 | 12.443.833.399 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (177.438.817.402) | 118.279.715.357 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|--|-----------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ | 32 | | 11.918.826.733 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 153.630.862.098 | 13.915.762.302 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (133.440.293.759) | (86.888.165.492) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (63.865.993.300) | (62.966.437.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (31.756.598.228) | (135.938.840.190) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (35.242.171.301) | 217.912.873.943 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 566.310.617.349 | 348.425.596.671 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (72.425.636) | (27.853.265) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 5 | 530.996.020.412 | 566.310.617.349 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 2 công ty con (1/1/2022: 2 công ty con), chi tiết như sau:

| Tên | Hoạt động chính | Tỷ lệ sở hữu | |
|------------------------------------|---|--------------|----------|
| | | 31/12/2022 | 1/1/2022 |
| Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn | Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng | Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải | 100% | 100% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có 559 nhân viên (1/1/2022: 558 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

342
T
H
A
G

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 37 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

100
CỔ
ÁCH H
K
TỰ

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

120
NG
HIỆM
PM
1EM

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

20/20
TY
HUU
G
11

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

30/1/2023
CỔ
H
K
/L

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | Vận tải VND | Thương mại VND | Các hoạt động khác VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|-------------------|-------------------|---------------------------|------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng ra bên ngoài | 1.082.123.522.247 | 67.882.684.219 | 30.176.548.694 | - | 1.180.182.755.160 |
| Doanh thu giữa các bộ phận | - | 36.757.863.241 | 8.788.922.664 | (45.546.785.905) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 1.082.123.522.247 | 104.640.547.460 | 38.965.471.358 | (45.546.785.905) | 1.180.182.755.160 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 178.688.611.616 | 2.338.102.450 | 15.096.006.294 | - | 196.122.720.360 |
| Chi phí phân bổ | (78.490.103.251) | (1.416.136.290) | (7.489.775.715) | - | (87.396.015.256) |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 108.726.705.104 |
| Doanh thu tài chính | | | | | 17.641.819.790 |
| Chi phí tài chính | | | | | (33.892.446.004) |
| Thu nhập khác | | | | | 4.978.335.027 |
| Chi phí khác | | | | | (2.860.688.708) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (21.285.319.702) |
| Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | 39.635.000 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | | | | 73.348.040.507 |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | Vận tải VND | Thương mại VND | Các hoạt động khác VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|-------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Doanh thu bán hàng ra bên ngoài | 880.192.703.160 | 26.156.541.384 | 39.871.089.740 | - | 946.220.334.284 |
| Doanh thu giữa các bộ phận | - | - | 6.509.973.241 | (6.509.973.241) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 880.192.703.160 | 26.156.541.384 | 46.381.062.981 | (6.509.973.241) | 946.220.334.284 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 116.851.251.514 | 2.300.089.515 | 10.800.093.069 | - | 129.951.434.098 |
| Chi phí phân bổ | (61.488.035.036) | (1.554.652.981) | (6.216.729.084) | - | (69.259.417.101) |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 60.692.016.997 |
| Doanh thu tài chính | | | | | 15.924.899.591 |
| Chi phí tài chính | | | | | (24.421.719.967) |
| Thu nhập khác | | | | | 112.787.995.606 |
| Chi phí khác | | | | | (689.194.583) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (34.964.592.035) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (23.535.000) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | | | | 129.305.870.609 |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Chi tiêu vốn | Vận tải VND | Thương mại VND | Các hoạt động khác VND | Hợp nhất VND |
|-----------------------------------|-----------------|-------------------|---------------------------|-----------------|
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 192.697.769.017 | - | - | 192.697.769.017 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 258.064.490.369 | - | - | 258.064.490.369 |
| | 613.004.492 | - | - | 613.004.492 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Chi tiêu vốn | Vận tải VND | Thương mại VND | Các hoạt động khác VND | Hợp nhất VND |
|-----------------------------------|-----------------|-------------------|---------------------------|-----------------|
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 931.972.036 | - | - | 931.972.036 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 244.754.741.023 | - | - | 244.754.741.023 |
| | 613.004.492 | - | - | 613.004.492 |

(c) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền mặt | 918.074.312 | 388.403.757 |
| Tiền gửi ngân hàng | 40.077.946.100 | 35.922.213.592 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 490.000.000.000 | 530.000.000.000 |
| | 530.996.020.412 | 566.310.617.349 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,5%/năm đến 6%/năm (1/1/2022: từ 2,9%/năm đến 3,5%/năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| <i>Bên liên quan</i> | | |
| Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ | 69.236.619.196 | 14.566.440.145 |
| Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất | 16.423.693.059 | 21.753.836.583 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 1.340.250.536 | 1.644.595.500 |
| Công ty Xăng dầu Khu vực 2 – TNHH MTV | 122.618.708 | 310.343.954 |
| Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng | 589.350.110 | 475.826.500 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco | 104.974.920 | 58.367.100 |
| Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore | 58.224.960 | 181.799.200 |
| | 87.875.731.489 | 38.991.208.982 |
| <i>Các bên thứ ba</i> | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu | 2.024.324.997 | - |
| Fratelli Cosulich Bunkers Ltd | - | 7.987.271.057 |
| Các khách hàng khác | 2.168.211.710 | 1.805.317.668 |
| | 4.192.536.707 | 9.792.588.725 |
| | 92.068.268.196 | 48.783.797.707 |

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu | - | 2.470.858.512 |
| Trả trước khác | 719.368.226 | 8.448.734.411 |
| | 719.368.226 | 10.919.592.923 |

8. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Chi hộ các công ty liên quan | 10.486.178.885 | 12.967.142.324 |
| ▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ | 4.962.282.687 | 3.259.157.332 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 3.170.610.743 | 4.906.207.242 |
| ▪ Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng | 1.574.045.022 | 1.456.679.439 |
| ▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore | 383.204.621 | 2.343.395.537 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco | 396.035.812 | 424.940.935 |
| ▪ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn | - | 576.761.839 |
| Tạm ứng cho người lao động | 2.147.579.366 | 2.033.339.608 |
| Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 18) | - | 12.500.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 7.174.372.134 | 7.394.811.369 |
| | 19.808.130.385 | 34.895.293.301 |

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Nguyên vật liệu | 100.410.623.829 | 83.644.323.840 |
| Công cụ và dụng cụ | 770.595.817 | 644.652.579 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 299.315.198 | 945.319.014 |
| | 101.480.534.844 | 85.234.295.433 |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 106.179.491.913 | 491.464.601 | 3.970.236.883.768 | 433.782.102 | 4.077.341.622.384 |
| Tăng trong năm | - | - | 192.697.769.017 | - | 192.697.769.017 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.932.347.545 | 491.464.601 | 3.114.201.936.404 | 433.782.102 | 3.123.059.530.652 |
| Khấu hao trong năm | 2.897.188.584 | - | 255.167.301.785 | - | 258.064.490.369 |
| Số dư cuối năm | 10.829.536.129 | 491.464.601 | 3.369.369.238.189 | 433.782.102 | 3.381.124.021.021 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 98.247.144.368 | - | 856.034.947.364 | - | 954.282.091.732 |
| Số dư cuối năm | 95.349.955.784 | - | 793.565.414.596 | - | 888.915.370.380 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 644.557 triệu VND (1/1/2022: 618.181 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 17(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 815.572 triệu VND (1/1/2022: 809.245 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 28.250.980.211 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 4.904.035.962 |
| Khấu hao trong năm | 613.004.492 |
| Số dư cuối năm | 5.517.040.454 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 23.346.944.249 |
| Số dư cuối năm | 22.733.939.757 |

NOV
FRAC
W TU

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2022 | | | | 1/1/2022 | | | | | | | |
|---|----------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| ▪ Công ty Cổ phần An Phú | 625.000 | 0,51% | 0,51% | 53.500.000.000 | (47.058.128.060) | (*) | 625.000 | 0,51% | 0,51% | 53.500.000.000 | (46.859.953.060) | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Kho càng Xăng dầu Hàng không Miền Nam | 600.000 | 2,02% | 2,02% | 6.000.000.000 | - | (*) | 600.000 | 2,02% | 2,02% | 6.000.000.000 | - | (*) |
| ▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang | 500.000 | 17,86% | 17,86% | 5.000.000.000 | - | (*) | 500.000 | 17,86% | 17,86% | 5.000.000.000 | - | (*) |
| | | | | <u>64.500.000.000</u> | <u>(47.058.128.060)</u> | | <u>64.500.000.000</u> | | | <u>64.500.000.000</u> | <u>(46.859.953.060)</u> | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|---|-----------------|
| | 31/12/2022 | 1/1/2022 |
| | VND | VND |
| <i>Bên liên quan</i> | | |
| Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV | 8.433.365.959 | 7.552.280.056 |
| Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu | 7.108.867.677 | 10.014.536.635 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ | 3.857.298.069 | 1.078.276.782 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Nai | 2.253.126.007 | - |
| Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore | 1.889.422.038 | 6.977.648.247 |
| Công ty Xăng dầu B12 | 1.828.673.000 | 910.745.000 |
| Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP | 1.311.906.080 | 1.029.719.460 |
| Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long | 1.230.229.220 | 2.046.837.552 |
| Cảng dầu B12 | 53.984.700 | - |
| Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ | 16.000.000 | - |
| Công ty Bảo hiểm PIJICO Sài Gòn | - | 1.163.775.397 |
| Công ty Xăng dầu Khu vực 5 | - | 132.706.750 |
| Công ty Xăng dầu Bình Định | - | 66.353.375 |
| | 27.982.872.750 | 30.972.879.254 |
| <i>Các bên thứ ba</i> | | |
| Đăng kiểm ABS | 1.184.979.144 | 402.107.563 |
| Công ty TNHH DVTM và SCTB Việt Điện | 981.442.980 | 258.293.750 |
| Công ty TNHH MTV Thái Sơn | - | 4.655.617.360 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.484.427.439 | 10.123.697.409 |
| | 7.650.849.563 | 15.439.716.082 |
| | 35.633.722.313 | 46.412.595.336 |

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2022 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm VND | 31/12/2022 VND |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng (*) | 301.284.134 | 36.162.663.907 | (33.036.045.288) | 3.427.902.753 |
| Thuế nhập khẩu | - | 19.929.440.881 | (19.929.440.881) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 23.591.707.038 | 21.285.319.702 | (39.795.156.007) | 5.081.870.733 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.429.147.269 | 4.302.569.583 | (3.976.240.729) | 1.755.476.123 |
| Các loại thuế khác | 87.965.424 | 2.565.976.011 | (2.642.412.753) | 11.528.682 |
| | 25.410.103.865 | 84.245.970.084 | (99.379.295.658) | 10.276.778.291 |

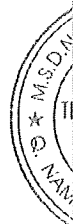
(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.571.171.547 | 1.649.155.105 |
| Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên | 393.177.755 | 2.329.070.404 |
| Cảng phí | 274.275.540 | 1.062.834.652 |
| Bảo hiểm | - | 2.649.039.848 |
| Các khoản khác | 1.816.930.512 | 2.094.090.842 |
| | 4.055.555.354 | 9.784.190.851 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi hộ cảng phí | 13.618.524.401 | 6.418.507.491 |
| Kinh phí công đoàn | 3.137.897.364 | 2.604.489.435 |
| Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO – công ty liên quan | 1.658.751.584 | 1.324.579.718 |
| Cổ tức phải trả | 1.321.523.960 | 1.294.184.460 |
| Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác | 1.185.167.008 | 5.014.435.818 |
| Chi phí khác | 13.542.387.620 | 12.124.886.554 |
| | 34.464.251.937 | 28.781.083.476 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| 17. Vay | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ | | Biến động trong năm | Chênh lệch tỷ giá | Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ |
|-----------------------------|---|-----------------|---------------------|-------------------|---|
| | 1/1/2022 | Tăng | | | |
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| (a) Vay ngắn hạn | | | | | |
| Vay ngắn hạn | 13.915.762.302 | 31.483.662.098 | (45.399.424.400) | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (b) | 82.905.361.440 | 84.764.085.000 | (88.040.869.359) | 1.245.570.919 | 80.874.148.000 |
| | 96.821.123.742 | 116.247.747.098 | (133.440.293.759) | 1.245.570.919 | 80.874.148.000 |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|-----------|--------------|-------------|-------------------|------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành | VND | 9,7% | 2026 | 116.443.372.500 | 147.494.938.500 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh HCM | VND | 7,9% | 2032 | 116.930.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | USD | 6,0% | 2027 | 72.894.937.500 | 86.863.218.750 |
| Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | USD | 4,5% | 2027 | 53.588.304.000 | 63.181.272.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | USD | 4,0% | 2023 | 8.482.320.000 | 24.418.968.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội | USD | 4,5% | 2022 | - | 7.584.388.440 |
| | | | | 368.338.934.000 | 329.542.785.690 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | | (80.874.148.000) | (82.905.361.440) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | | 287.464.786.000 | 246.637.424.250 |

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 644.557 triệu VND (1/1/2022: 618.181 triệu VND) (Thuyết minh 10).

1126
 CÔNG
 NHIE
 PN
 MIEM

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| Dự phòng phải trả Nhà nước (i) | - | 50.000.000.000 |
| Dự phòng sửa chữa lớn (ii) | 33.472.650.000 | 54.987.339.280 |
| | 33.472.650.000 | 104.987.339.280 |

- (i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Trong năm 2020, với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo Công ty nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy. Do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 8 và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND. Ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Phúc thẩm số 452/2021/HSPT theo đó Tòa án đưa ra kết luận y án sơ thẩm. Ngày 13 tháng 7 năm 2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 2483/QĐ-CTHADS theo đó buộc Công ty nộp lại số tiền 50 tỷ VND để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trên. Trong năm 2022, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND đã được bù trừ với khoản thuế phải nộp.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

| | Dự phòng sửa chữa lớn | |
|----------------------------|-----------------------|------------------|
| | 2022 VND | 2021 VND |
| Số dư đầu năm | 54.987.339.280 | 33.424.443.081 |
| Dự phòng lập trong năm | 62.420.392.060 | 71.156.018.943 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (83.935.081.340) | (49.593.122.744) |
| Số dư cuối năm | 33.472.650.000 | 54.987.339.280 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2022 | 2021 |
|---------------------|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 10.662.370.643 | 7.740.294.062 |
| Trích lập trong năm | 17.842.298.048 | 19.282.146.581 |
| Sử dụng quỹ | (15.667.185.000) | (16.360.070.000) |
| Số dư cuối năm | 12.837.483.691 | 10.662.370.643 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|---|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 798.666.660.000 | (160.015.910) | (11.635.553.757) | 250.991.855.223 | 62.873.374.534 | 1.100.736.320.090 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 129.305.870.609 | 129.305.870.609 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (19.282.146.581) | (19.282.146.581) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | - | (63.093.332.800) | (63.093.332.800) |
| Điều chuyển quỹ | - | - | - | (37.500.000.000) | 37.500.000.000 | - |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 798.666.660.000 | (160.015.910) | (11.635.553.757) | 213.491.855.223 | 147.303.765.762 | 1.147.666.711.318 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 73.348.040.507 | 73.348.040.507 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (17.842.298.048) | (17.842.298.048) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | - | (63.893.332.800) | (63.893.332.800) |
| Phát hành lại cổ phiếu quỹ | - | 283.272.976 | 11.635.553.757 | - | - | 11.918.826.733 |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 798.666.660.000 | 123.257.066 | - | 213.491.855.223 | 138.916.175.421 | 1.151.197.947.710 |

// LU / KH / CÓN / 5011

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

| | 31/12/2022 | | 1/1/2022 | |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 79.866.666 | 798.666.660.000 | 79.866.666 | 798.666.660.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông | 79.866.666 | 798.666.660.000 | 79.866.666 | 798.666.660.000 |
| Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông | - | - | 1.000.000 | 10.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 79.866.666 | 798.666.660.000 | 78.866.666 | 788.666.660.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: chia cổ tức với số tiền là 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 34.320.000 | 34.320.000 |

(b) Ngoại tệ

| | 31/12/2022 | | 1/1/2022 | |
|-----|------------|--------------------|-----------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 273.346 | 6.406.128.547 | 276.697 | 6.264.417.590 |

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển | 1.082.123.522.247 | 880.192.703.160 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 67.882.684.219 | 26.156.541.384 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 30.176.548.694 | 39.871.089.740 |
| | 1.180.182.755.160 | 946.220.334.284 |

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

| | 2022 | 2021 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển | 899.717.741.722 | 763.341.451.646 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 66.013.432.477 | 23.856.451.869 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khác | 18.328.860.601 | 29.070.996.671 |
| | 984.060.034.800 | 816.268.900.186 |

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2022 | 2021 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức được chia | 500.000.000 | 1.250.000.000 |
| Lãi tiền gửi | 14.758.951.615 | 11.193.833.399 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.382.868.175 | 3.481.066.192 |
| | 17.641.819.790 | 15.924.899.591 |

27. Chi phí tài chính

| | 2022 | 2021 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 26.080.925.684 | 23.913.418.379 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 7.610.719.145 | 508.301.588 |
| Lập dự phòng đầu tư tài chính | 198.175.000 | - |
| Chi phí tài chính khác | 2.626.175 | - |
| | 33.892.446.004 | 24.421.719.967 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên | 41.612.643.028 | 34.442.175.820 |
| Chi phí vật liệu bao bì | 706.154.253 | 2.695.274.232 |
| Chi phí dụng cụ đồ dùng | 442.795.451 | 1.168.689.842 |
| Chi phí khấu hao | 5.226.755.534 | 5.920.707.111 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.639.579.796 | 9.487.863.450 |
| Chi phí khác | 25.445.715.221 | 14.232.153.564 |
| | <hr/> 86.073.643.283 | <hr/> 67.946.864.019 |

29. Thu nhập khác

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| Tiền bảo hiểm được bồi thường | 4.683.543.143 | 142.913.508 |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | - | 106.767.853.994 |
| Các khoản khác | 294.791.884 | 5.877.228.104 |
| | <hr/> 4.978.335.027 | <hr/> 112.787.995.606 |

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 330.443.866.031 | 215.314.742.144 |
| Chi phí nhân viên | 165.759.359.292 | 160.758.918.063 |
| Chi phí khấu hao | 258.677.494.861 | 245.367.745.515 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 134.105.411.192 | 107.062.865.174 |
| Chi phí khác | 115.810.482.387 | 120.957.672.455 |

0100
 CÔNG
 TY CỔ
 PHẦN
 VẬN
 TẢI
 XĂNG
 DẦU
 VITACO

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2022 | 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 21.220.413.704 | 34.964.592.035 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 64.905.998 | - |
| | 21.285.319.702 | 34.964.592.035 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (39.635.000) | 23.535.000 |
| Chi phí thuế thu nhập | 21.245.684.702 | 34.988.127.035 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2022 | 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 94.593.725.209 | 164.293.997.644 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 18.918.745.042 | 32.858.799.529 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 2.427.727.345 | 2.720.061.228 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 64.905.998 | - |
| Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế | (100.000.000) | (250.000.000) |
| Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận | (65.693.683) | (3.877.235) |
| Ưu đãi thuế do ảnh hưởng Covid 19 | - | (336.856.487) |
| | 21.245.684.702 | 34.988.127.035 |

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

1204
 NG
 HIEM
 PM
 IEM

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

| | 2022 | 2021 |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND) | 73.348.040.507 | 129.305.870.609 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) | (18.000.000.000) | (18.000.000.000) |
| <hr/> | | |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND) | 55.348.040.507 | 111.305.870.609 |
| <hr/> | | |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang (số cổ phiếu) | 78.866.666 | 78.866.666 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ (số cổ phiếu) | 964.384 | - |
| <hr/> | | |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu) | 79.831.050 | 78.866.666 |
| <hr/> | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 693 | 1.411 |
| <hr/> | | |

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

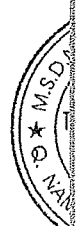
| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-----------------|
| | 2022 VND | 2021 VND |
| Công ty mẹ cấp cao nhất | | |
| Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | | |
| Cung cấp dịch vụ | 639.010.218.129 | 469.969.189.303 |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 485.167.811.451 | 414.115.614.513 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 5.967.857.204 | 16.371.196.069 |
| Chi phí hỗ trợ Covid-19 | - | 4.274.005.742 |
| Chia cổ tức | 33.172.173.600 | 33.172.173.600 |
| Các công ty liên quan khác | | |
| Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ | | |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 47.230.972.092 | 11.791.929.494 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|----------------------------------|----------------------------------|
| | 2022 VND | 2021 VND |
| Công ty Xăng dầu Đồng Nai Mua hàng hóa và dịch vụ | 50.146.804.480 | 24.828.071.462 |
| Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ | 25.005.849.787 | 28.813.862.543 |
| Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore Bán hàng và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ | 139.577.870 58.187.900.168 | 28.216.146.441 49.455.207.062 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu Mua hàng hóa và dịch vụ | 69.208.160.812 | 36.070.166.149 |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch Vụ Petrolimex Hải Phòng Cung cấp dịch vụ | 1.813.029.089 | 1.601.122.726 |
| Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 2.021.445.563 |
| Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP Mua hàng hóa và dịch vụ | 16.595.185.677 | 19.200.580.314 |
| Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ | 2.093.755.363 272.725.465.002 | 2.156.819.521 181.095.662.805 |
| Công ty Xăng dầu Nghệ An Mua hàng hóa và dịch vụ | 16.813.741.719 | 10.479.788.432 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu Vực 5 Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.238.047.768 | 262.810.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex Cung cấp dịch vụ | 9.387.314.044 | 7.930.857.695 |
| Công ty Xăng dầu Bình Định Mua hàng hóa và dịch vụ | 430.812.480 | 846.906.250 |
| Công ty Xăng dầu B12 Mua hàng hóa và dịch vụ Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.956.981.418 6.673.275 | 8.922.032.755 31.359.610 |
| Công ty Bảo hiểm PIJICO Hải Phòng Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.738.220.665 | 1.647.290.240 |



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | | |
|---|--------------------------|----------------|-------------|
| | 2022 VND | 2021 VND | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 503.705.818 | 980.028.455 | |
| Công ty Xăng dầu Phú Khánh Mua hàng hóa và dịch vụ | 185.113.810 | 153.750.000 | |
| Công ty Bảo hiểm Pjico Đà Nẵng Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 118.751.826 | |
| Cảng dầu B12 Mua hàng hóa và dịch vụ | 36.011.456.330 | 6.740.892.500 | |
| Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.119.804.398 | - | |
| Công ty TNHH Thuyền Viên VIPCO Chi hộ chi phí lương | 19.345.346.340 | 17.986.696.341 | |
| Thành viên Ban Giám đốc | | | |
| Tiền lương và thưởng | | | |
| Ông Nguyễn Quang Cường | Tổng Giám đốc | 740.422.687 | 756.909.646 |
| Bà Phạm Lý Trang Khanh | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 | 607.727.717 |
| Ông Nguyễn Quang Chiến | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 | 607.727.717 |
| Ông Bùi Hồng Dũng | Phó Tổng Giám đốc | (*) | (*) |
| Ông Đỗ Quang Minh | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 | 607.727.717 |
| Bà Văn Thị Hồng Phượng | Phó Tổng Giám đốc | 594.438.149 | 607.727.717 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | | | |
| Tiền lương, thưởng và thù lao | | | |
| Ông La Văn Út | Chủ tịch | 886.515.946 | 906.213.674 |
| Ông Trương Văn Minh | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Quang Cường | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Bà Phạm Lý Trang Khanh | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Bùi Hồng Dũng | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Lê Minh Ngọc | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Chí Nam | Ủy viên | 96.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Tiến Dũng | Trưởng Ban Kiểm soát | 594.438.149 | 552.582.906 |
| Bà Phạm Thúy Hà | Thành viên Ban Kiểm soát | 67.200.000 | 47.600.000 |
| Ông Phạm Văn Trung | Thành viên Ban Kiểm soát | 67.200.000 | 47.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 19.600.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Tuyên | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 19.600.000 |

(*) Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

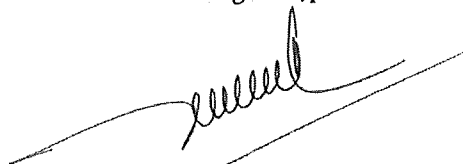
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

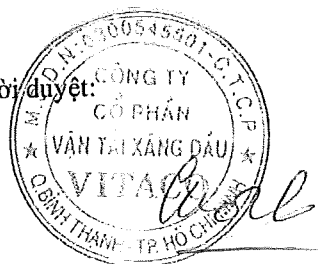


Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

